

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN IB

*(Giấy phép thành lập và hoạt động Giấy phép thành lập và hoạt động số 70/UBCK-GP do Ủy ban
Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10/12/2007, Giấy phép điều chỉnh thành lập và hoạt động số
09/GPĐC-UBCK cấp ngày 01/02/2019)*

THÔNG TIN VỀ ĐỢT PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU RIÊNG LẺ

**THÔNG TIN VỀ ĐỢT PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU RIÊNG LẺ CỦA
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN IB ĐƯỢC NÊU TRONG TÀI
LIỆU NÀY VÀ BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN CHI TIẾT CỦA ĐỢT
PHÁT HÀNH. NHÀ ĐẦU TƯ ĐƯỢC YÊU CẦU XEM XÉT KỸ CẢ HAI
TÀI LIỆU NÀY KHI RA QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ**

Hà nội ngày 01 tháng 02 năm 2019

PHẦN 1

TÓM TẮT THÔNG TIN VỀ ĐỢT PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU

1. Tên doanh nghiệp phát hành: Công ty cổ phần Chứng khoán IB (“Tổ Chức Phát Hành”)
2. Loại hình doanh nghiệp: Công ty chứng khoán
3. Tổng số lượng trái phiếu phát hành: 2.000 Trái phiếu (*Hai nghìn Trái Phiếu*)
4. Tổng giá trị phát hành: 200.000.000.000 VNĐ (*Hai trăm tỷ Đồng*)
5. Mục đích phát hành: Số tiền thu được từ đợt phát hành Trái phiếu sẽ được sử dụng cho mục đích tăng quy mô vốn hoạt động của doanh nghiệp, cụ thể:
 - Đầu tư kinh doanh chứng khoán
 - Cho vay giao dịch ký quỹ
 - Tăng quy mô vốn cho các hoạt động khác của Công ty
6. Điều kiện điều khoản của trái phiếu: Theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 163/2018/NĐ – CP ngày 04 tháng 12 năm 2018 về phát hành trái phiếu doanh nghiệp
 - a. Kỳ hạn trái phiếu: *Dự kiến 03 (ba) năm*
 - b. Mệnh giá: *100.000.000 VND/trái phiếu (Một trăm triệu đồng một trái phiếu)*
 - c. Loại hình trái phiếu: *Trái phiếu doanh nghiệp, không chuyển đổi, có đảm bảo bằng tài sản, không kèm chứng quyền.*
 - d. Hình thức trái phiếu: *Phát hành riêng lẻ cho dưới 100 nhà đầu tư không kể nhà đầu tư chuyên nghiệp theo Nghị định số 163/2018/NĐ-CP thông qua đại lý phát hành*
 - e. Lãi suất danh nghĩa dự kiến: *Lãi suất được xác định trên cơ sở nhu cầu Nhà đầu tư tại thời điểm chào bán và phù hợp với điều kiện của Công ty.
Dự kiến mức Lãi suất Trái phiếu không vượt quá 12%/năm.*
7. Mua lại trái phiếu trước hạn: Trái phiếu có thể được mua lại trước hạn một phần hoặc toàn bộ theo đề nghị của Tổ Chức Phát Hành hoặc Người Sở Hữu Trái Phiếu trên cơ sở tuân thủ các Điều khoản và Điều kiện

của Trái phiếu

8. Ngày phát hành dự kiến:

Quý 1 năm 2019

9. Giao dịch trái phiếu:

Trái Phiếu bị hạn chế giao dịch trong phạm vi dưới 100 nhà đầu tư, không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành, trừ trường hợp theo quyết định của tòa án hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật. Sau thời gian trên, trái phiếu doanh nghiệp được giao dịch không hạn chế về số lượng nhà đầu tư.

PHẦN 2

THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ ĐỢT PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ ĐỢT PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU

- | | |
|----------------------------|--|
| 1. Doanh nghiệp phát hành: | Công ty cổ phần Chứng Khoán IB |
| 2. Bà Nguyễn Thị Tuyết | Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc |
| 3. Bà Nguyễn Thị Thu Hằng | Chức vụ: Kế Toán Trưởng |
| 4. Bà Trịnh Thị Mỹ Lệ | Chức vụ: Trưởng ban kiểm soát |

Chúng tôi cam kết rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là chính xác, phù hợp với thực tế hoặc đã được điều tra, thu thập một cách hợp lý.

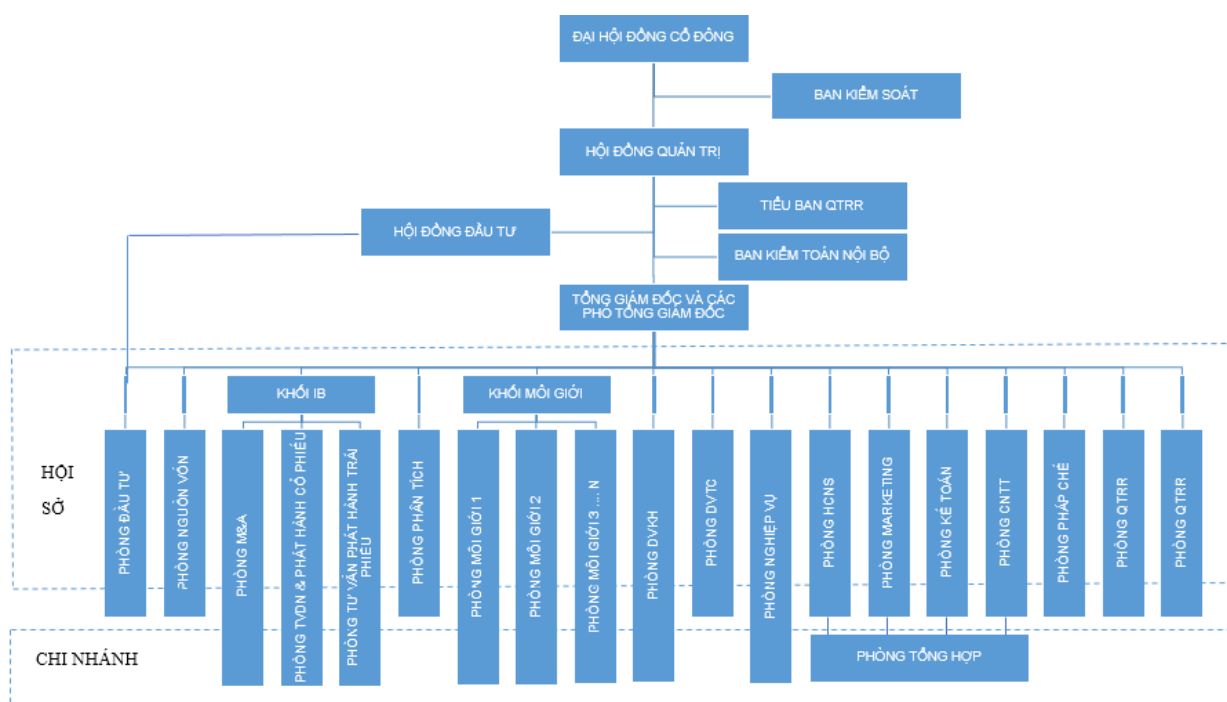
II. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP PHÁT HÀNH

1. Công ty Cổ phần Quá trình hình thành và phát triển

- Ngày 10 tháng 12 năm 2007, Công ty được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 70/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước với tên gọi ban đầu là Công ty Cổ phần Chứng khoán VINCOM.
- Ngày 01 tháng 12 năm 2010, Công ty được cấp Giấy phép điều chỉnh số 374/UBCK-GP chuyển trụ sở chính từ Hà Nội vào Thành phố Hồ Chí Minh và đặt tại Tầng L2, Tòa nhà Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn và 47 Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh.
- Ngày 06 tháng 5 năm 2011, Công ty được cấp Giấy phép điều chỉnh số 30/GPĐC-UBCK đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Xuân Thành.
- Ngày 05 tháng 7 năm 2011, Công ty được cấp Giấy phép điều chỉnh số 40/GPĐC-UBCK chuyển trụ sở chính từ TP Hồ Chí Minh ra Hà Nội và đặt tại Tầng 5+6, Số 37 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.
- Ngày 21 tháng 5 năm 2014, Công ty được cấp Giấy phép điều chỉnh số 09/GPĐC-UBCK đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán IB. Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tầng 8 – Tòa nhà Gelex, 52 Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.
- Ngày 01/02/2019, Công ty được cấp Giấy phép điều chỉnh số 09/GPĐC-UBCK với số vốn điều lệ là 1.009.645.830.000 đồng

2. Cơ cấu tổ chức, bộ máy của doanh nghiệp

Cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp



2.1 Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, hoạt động thông qua các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, Đại hội đồng cổ đông bất thường và thông qua hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

2.2 Hội đồng quản trị

Danh sách Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2016 – 2021:

| STT | Họ và tên | Chức vụ |
|-----|----------------------|----------------------------------|
| 1 | Bà Nguyễn Thị Tuyết | Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc |
| 2 | Bà Cao Thị Hồng | Thành viên HĐQT |
| 3 | Ông Phí Anh Tuấn | Thành viên HĐQT |
| 4 | Bà Trần Thị Hồng Hà | Thành viên HĐQT |
| 5 | Ông Nguyễn Tuấn Dũng | Thành viên HĐQT |

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty.

Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày.

Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định.

Cơ cấu tổ chức và bộ máy trực thuộc Hội đồng quản trị bao gồm:

- Ban Kiểm toán nội bộ

2.3 Ban kiểm soát

Danh sách Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2016-2021:

| STT | Họ và tên | Chức vụ |
|-----|---------------------|--------------------------|
| 1 | Bà Trịnh Thị Mỹ Lệ | Trưởng Ban kiểm soát |
| 2 | Bà Đoàn Thị Hương | Thành viên Ban kiểm soát |
| 3 | Bà Nguyễn Thị Duyên | Thành viên Ban kiểm soát |

2.4 Ban Tổng Giám đốc Công ty

Danh sách Ban Tổng Giám đốc Công ty:

| STT | Họ và tên | Chức vụ |
|-----|-----------------------|----------------------------------|
| 1 | Bà Nguyễn Thị Tuyết | Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc |
| 2 | Ông Đỗ Ngọc Đình | Phó Tổng Giám đốc |
| 3 | Ông Nguyễn Xuân Cường | Giám đốc chi nhánh HCM |

Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật về việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

2.5 Các phòng ban khác

- Phòng Kiểm soát nội bộ
- Phòng Kế toán
- Phòng Công nghệ thông tin
- Phòng Quản trị rủi ro
- Phòng Đầu tư
- Phòng Marketing
- Khối môi giới
- Phòng Dịch vụ tài chính
- Phòng Pháp chế
- Phòng Nguồn vốn
- Phòng Dịch vụ khách hàng
- Phòng Hành chính nhân sự
- Khối Ngân hàng đầu tư (Khối IB)
- Phòng Phân tích
- Phòng Nghiệp vụ

3. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

3.1. Hội đồng quản trị

BÀ NGUYỄN THỊ

TUYẾT

Chủ tịch HĐQT – Kiêm

Tổng giám đốc

1. Giới tính: Nữ
2. Ngày sinh: 06/10/1981
3. Nơi sinh: Thanh hải – Thanh Liêm – Hà Nam
4. Quốc tịch: Việt Nam
5. Địa chỉ thường trú: P1402 – CT17 – GH4 – Khu đô thị Việt Hưng – Long Biên – Hà Nội
6. Nơi ở hiện nay: P1402 – CT17 – GH4 – Khu đô thị Việt Hưng – Long Biên – Hà Nội
7. CNMD số: 035181000011 cấp ngày 30/05/2013 tại Cục CS QLHC về TTXH
8. Trình độ chuyên môn: Đại học
9. Nghề nghiệp: Tài chính – Chứng khoán
10. Quá trình đào tạo chuyên môn:
 - 2000 – 2003: Học Kế toán doanh nghiệp trường CĐ kinh tế
 - 2006 – 2011: Học Kế toán doanh nghiệp tại Trường Đại học kinh tế quốc dân
 - 2005 – 2005: Chứng chỉ kế toán trưởng, Trường ĐH Kinh tế quốc dân
 - 2015 - 2016: Chứng chỉ giám đốc nhân sự, Trường doanh nhân PTI
 - 2016 – 2017: Các chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán và chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ, Trung tâm Nghiên cứu khoa học và Đào tạo chứng khoán – Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
11. Quá trình công tác:
 - T9/2003 – 2009: Kế toán, Trung tâm HN – GDTX Móng Cái
 - 2010 – T7/2013: Phó phòng Tài chính - Kế toán, Trưởng phòng hành chính, Trung tâm HN – GDTX Móng Cái

- T9/2013 – 6/2014: Trưởng phòng kế hoạch, CTCP Việt Thái Sơn Capital
- 2014 – 5/2016: Phó giám đốc tài chính, Trưởng phòng Hành chính nhân sự, Công ty Cổ phần chứng khoán IB.
- 5/2016 – 10/2016: Thành viên HĐQT – Kiêm Phó Tổng giám đốc tài chính, Trưởng phòng Hành chính nhân sự, CTCP chứng khoán IB.
- 10/2016-7/2017: Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc, CTCP Chứng khoán IB.
- 7/2017 – 9/2017: Chủ tịch hội đồng quản trị.
- 9/2017- đến nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc.

| | |
|--|----------|
| 12. Chức vụ tại các tổ chức khác: | Không có |
| 13. Vi phạm pháp luật: | Không |
| 14. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: | Không |
| 15. Khoản nợ với Công ty: | Không |
| 16. Lợi ích liên quan đối với Công ty: | Không |

BÀ CAO THỊ HỒNG

Thành viên HĐQT

| | |
|------------------------|--|
| 1. Giới tính: | Nữ |
| 2. Ngày sinh: | 25/12/1974 |
| 3. Nơi sinh: | Hoàng Hóa, Thanh Hoá |
| 4. Quốc tịch: | Việt Nam |
| 5. Địa chỉ thường trú: | Dãy T9, nhà số 2, Khu đô thị Nam Thăng Long, Phường Xuân Đình, Huyện Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội |
| 6. Nơi ở hiện nay: | Dãy T9, nhà số 2, KĐT Nam Thăng |

- Long, Xuân Đình, Bắc Từ Liêm, HN
7. CNMD số: 013559873 cấp ngày 28/11/2012 tại Hà Nội
8. Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính – Ngân hàng
9. Nghề nghiệp: Doanh nhân
10. Quá trình đào tạo chuyên môn:
- 1991 – 1995: Học Đại học chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng trường Đại học Kinh tế Quốc dân
 - 2006 – 2008: Thạc sỹ chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng tại Paris Dauphine – ESCP Europe
11. Quá trình công tác:
- 1995 – 1998: Chuyên viên phòng Kế toán tại Ngân hàng TMCP Quốc tế.
 - 1999 – 2000: Kế toán trưởng Chi nhánh HCM Ngân hàng TMCP Quốc tế.
 - 2001 – 2002: Trưởng phòng Nguồn vốn và Kinh doanh ngoại tệ tại Ngân hàng TMCP Quốc tế.
 - 2002 – 2003: Giám đốc CN Cầu Giấy Ngân hàng TMCP Quốc tế.
 - 2003 – 2006: Giám đốc Tài chính tại Ngân hàng TMCP Quốc tế.
 - 2006 – 2011: Phó Tổng Giám đốc Công ty Chứng khoán Quốc tế.
 - 2011 – 2013: Giám đốc Kinh doanh miền Bắc, khối DVTC Cá nhân, Ngân hàng Techcombank.
 - 2013 – 2014: Phó Giám đốc Khối Đầu tư Ngân hàng Quân đội.
 - 2014 – 6/2016: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty Cổ phần chứng khoán IB
 - 6/2016 - nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần chứng khoán IB
12. Chức vụ tại tổ chức khác:

| | |
|--|-------|
| 13. Vi phạm pháp luật: | Không |
| 14. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: | Không |
| 15. Khoản nợ với Công ty: | Không |
| 16. Lợi ích liên quan đối với Công ty: | Không |

PHÍ ANH TUẤN

Thành viên HĐQT

| | |
|-----------------------------------|--|
| 1. Giới tính: | Nam |
| 2. Ngày sinh: | 28/03/1984 |
| 3. Nơi sinh: | Nam Định |
| 4. Quốc tịch: | Việt Nam |
| 5. Địa chỉ thường trú: | P1401 GH4, Greenhouse, CT17, Việt Hưng, Long Biên, Hà Nội |
| 6. Nơi ở hiện nay: | P1401 GH4, Greenhouse, CT17, Việt Hưng, Long Biên, Hà Nội |
| 7. CNMD số: | 012080373 ngày cấp: 22/11/2012 tại Hà Nội |
| 8. Trình độ chuyên môn: | Cử nhân |
| 9. Nghề nghiệp: | Chuyên viên tài chính |
| 10. Quá trình đào tạo chuyên môn: | - 2003 - 2007: Cử nhân Quản trị kinh doanh, Đại học Kinh tế quốc dân |
| 11. Quá trình công tác: | - 8/2007 – 11/2007: Chuyên viên tư vấn đầu tư và thành lập doanh nghiệp, CTCP AN Bình Quốc tế - 11/2007 – 07/2008: Chuyên viên kinh doanh hạt nhựa, xuất nhập khẩu, CTCP vật liệu điện Hải Phòng - 08/2008 – nay: Chuyên viên tài chính, Ngân hàng TMCP Bắc Á - 18/4/2018 – nay: Thành viên Hội đồng quản trị |
| 12. Chức vụ tại tổ chức khác: | Chuyên viên tài chính, Ngân hàng TMCP Bắc Á |

| | |
|--|-------|
| 13. Vi phạm pháp luật: | Không |
| 14. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: | Không |
| 15. Khoản nợ với Công ty: | Không |
| 16. Lợi ích liên quan với Công ty: | Không |

BÀ TRẦN THỊ HỒNG

HÀ

Thành viên HĐQT

| | |
|-----------------------------------|---|
| 1. Giới tính: | Nữ |
| 2. Ngày sinh: | 31/12/1979 |
| 3. Nơi sinh: | Hải Phòng |
| 4. Quốc tịch: | Việt Nam |
| 5. Địa chỉ thường trú: | P1205, Chung cư JSC 34, ngõ 164 Khuất Duy Tiến, Thanh Xuân, TP.Hà Nội |
| 6. Nơi ở hiện nay: | P1205, Chung cư JSC 34, ngõ 164 Khuất Duy Tiến, Thanh Xuân, TP.Hà Nội |
| 7. CNMD số: | 031179000473 ngày cấp 03/11/2014 Nơi cấp: Cục trưởng cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư |
| 8. Trình độ chuyên môn: | Đại học |
| 9. Nghề nghiệp: | Kế toán |
| 10. Quá trình đào tạo chuyên môn: | <ul style="list-style-type: none"> - 1997 – 2001: Cử nhân Tài chính – Kế toán, Đại học Quản lý & Kinh doanh Hà Nội - 1999 – 2003: Cử nhân chuyên ngành Tiếng Anh, Đại học Ngoại ngữ Hà Nội |
| 11. Quá trình công tác: | <ul style="list-style-type: none"> - 2002-2003: Kế toán tổng hợp, Công ty TNHH Quảng Độ - 2003-2007: Chuyên viên Kế toán cao cấp, Công ty YAMAHA Motor Việt Nam - 2007-2011: Trưởng phòng Dịch vụ khách hàng, Công ty CP Chứng |

khoán Mê Kông

- 2011-9/2014: Trưởng phòng Dịch vụ khách hàng kiêm Trưởng phòng Kiểm soát nội bộ, Công ty Cổ phần chứng khoán IB.
- 10/2014-5/2017: Quyền Kế toán trưởng, Công ty Cổ phần chứng khoán IB
- 5/2017- nay : Phụ trách nguồn vốn, CTCP Chứng khoán IB

| | |
|--|-------|
| 12. Chức vụ tại các tổ chức khác: | Không |
| 13. Vi phạm pháp luật | Không |
| 14. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: | Không |
| 15. Khoản nợ với Công ty: | Không |
| 16. Lợi ích liên quan với Công ty: | Không |

ÔNG NGUYỄN TUẤN
DŨNG
Thành viên HĐQT

| | |
|-------------------------|--|
| 1. Giới tính: | Nam |
| 2. Ngày sinh: | 16/09/1977 |
| 3. Nơi sinh: | Thị trấn Xuân Mai, Huyện Chương Mỹ, Hà Nội |
| 4. Quốc tịch: | Việt Nam |
| 5. Địa chỉ thường trú: | Số nhà 2, 211/237/4, Phố Khương Trung, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội |
| 6. Nơi ở hiện nay: | Số nhà 2, 211/237/4, Phố Khương Trung, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội |
| 7. CNMD số: | 013017750 ngày cấp 16/11/2007 nơi cấp: CA Hà Nội |
| 8. Trình độ chuyên môn: | Đại học |
| 9. Nghề nghiệp: | Giám đốc khối IB – CTCP Chứng khoán IB |

10. Quá trình đào tạo chuyên môn:
- 1992-1995: Tốt nghiệp phổ thông trung học, Khối Chuyên toán Trường Đại học Sư phạm Hà Nội I
 - 1995-2000: Cử nhân Kinh tế đối ngoại, Đại học Ngoại Thương
 - 2007-2009: Chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán và Chứng chỉ hành nghề Phân tích tài chính, Trung tâm đào tạo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
11. Quá trình công tác:
- 7/2001 – 12/2004: Chuyên viên Phòng xuất nhập khẩu, CTCP Formach
 - 1/2005-09/2006: Phó phòng Xuất nhập khẩu, CTCP Formach
 - 05/2007-02/2008: Phó phòng Tư vấn TCDN – Chi nhánh Hà Nội
 - 03/2008-07/2008: Trưởng phòng giao dịch Hà Đông, CTCP Chứng khoán Sao Việt
 - 8/2008- 5/2009: Trưởng phòng giao dịch Hà Đông kiêm phụ trách Phòng tư vấn TCDN, CTCP Chứng khoán Sao Việt
 - 6/2009-3/2011: Trưởng phòng Tư vấn TCDN, CTCP CK Sao Việt
 - 4/2011-11/2012: Phó giám đốc khối phụ trách Khối Ngân hàng đầu tư, Trưởng phòng Tư vấn tài chính doanh nghiệp, CTCP Chứng khoán Sao Việt
 - 12/2012-2/2013: Quyền Trưởng phòng Tư vấn, CTCP Chứng khoán Quốc Gia
 - 3/2013-5/2014: Phó Trưởng phòng Tư vấn, CTCP Chứng khoán Quốc gia
 - 6/2014-5/2015: Phó phòng Khối IB, CTCP Chứng khoán IB

- 6/2015-10/2016: Trưởng phòng Tư vấn doanh nghiệp và Bảo lãnh phát hành, Công ty cổ phần chứng khoán IB
- 11/2016-7/2017: Phó giám đốc khối IB kiêm Trưởng phòng Tư vấn doanh nghiệp và Bảo lãnh phát hành, Công ty cổ phần Chứng khoán IB
- 7/2017- 5/2018: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm giám đốc khối IB, CTCP Chứng khoán IB
- 5/2018-nay: Thành viên HĐQT, Người phụ trách quản trị Công ty, kiêm giám đốc Khối IB

| | |
|--|-------|
| 12. Chức vụ tại các tổ chức khác: | Không |
| 13. Vi phạm pháp luật: | Không |
| 14. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: | Không |
| 15. Khoản nợ với Công ty: | Không |
| 16. Lợi ích liên quan với Công ty: | Không |

3.2. Ban Tổng Giám đốc

BÀ NGUYỄN THỊ

TUYẾT

Tổng Giám đốc

Xem thông tin phần “Hội đồng quản trị”

ÔNG ĐỖ NGỌC DĨNH

Phó Tổng Giám đốc

| | |
|------------------------|---|
| 1. Giới tính: | Nam |
| 2. Ngày sinh: | 30/01/1983 |
| 3. Nơi sinh: | Thái Thọ - Thái Thụy - Thái Bình |
| 4. Quốc tịch: | Việt Nam |
| 5. Địa chỉ thường trú: | Tổ 14B, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai |

- | | |
|--|--|
| 6. Nơi ở hiện nay: | Tổ 14B, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai |
| 7. CNMD số: | 013472005 ngày cấp: 07/09/2011 nơi cấp Hà Nội |
| 8. Trình độ chuyên môn: | Cử nhân kinh tế |
| 9. Nghề nghiệp: | Công nghệ thông tin |
| 10. Quá trình đào tạo chuyên môn: | - 2001-2005: Cử nhân chuyên ngành Toán – Thống kê – Tin học, Đại học Kinh tế Quốc dân |
| 11. Quá trình công tác: | - 2005-2008: Trưởng nhóm CNTT, CTCP phần mềm Fast, - 2008-2009: Nhân viên phòng CNTT, CTCP Chứng khoán Phố Wall - 2009-2011: Trưởng phòng CNTT, CTCP Chứng khoán Woori CBV - 5/2017-nay: Phó Tổng giám đốc, CTCP Chứng khoán IB |
| 12. Chức vụ tại các tổ chức khác: | Không |
| 13. Vi phạm pháp luật: | Không |
| 14. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: | Không |
| 15. Khoản nợ với Công ty: | Không |
| 16. Lợi ích liên quan với Công ty: | Không |

ÔNG NGUYỄN XUÂN
CƯỜNG

Giám đốc chi nhánh Hồ Chí Minh

- | | |
|-------------------------|---|
| 17. Giới tính: | Nam |
| 18. Ngày sinh: | 21/01/1978 |
| 19. Nơi sinh: | Thái Bình |
| 20. Quốc tịch: | Việt Nam |
| 21. Địa chỉ thường trú: | 104 đường Số 7, An Hoà 5, KDC Nam Long, khu phố 1, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh |

22. Nơi ở hiện nay: A4.06-02 Khu căn hộ Hoàng Anh Gold House, 187A đường Lê Văn Lương, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh
23. CNMD số: 024887348 ngày cấp 04/03/2008 nơi cấp TP.Hồ Chí Minh
24. Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ
25. Nghề nghiệp: Tài chính - Chứng khoán
26. Quá trình đào tạo chuyên môn:
- 1996-2001: Cử nhân Kinh tế đối ngoại, Trường Đại học Ngoại Thương
 - 2003-2005: Diplome Quản lý thương mại quốc tế, Viện Quản trị Doanh nghiệp – Trường Đại học Montpellier II – Cộng hoà Pháp
27. Quá trình công tác:
- 1/2001-12/2002: Chuyên viên vật tư ngoại, CT TNHH SX hàng tiêu dung Dona Biti's
 - 2/2007-07/2007: Chuyên viên Phòng Đầu tư và Kinh doanh chứng khoán, Công ty TNHH Chứng khoán ACB
 - 7/2007-12/2018: Phó phòng Đầu tư và Kinh doanh Chứng khoán, Công ty TNHH Chứng khoán ACB
 - 12/2008-6/2009: Giám đốc Trung tâm kinh doanh OTC, Công ty TNHH Chứng khoán ACB
 - 6/2009-6/2014: Giám đốc Sàn GDCK Hội sở
 - 6/2014-9/2015: Giám đốc điều hành Môi giới Khu vực I
 - 11/2015-9/2017: Phó giám đốc chi nhánh_Chỉ nhánh HCM, CTCP Chứng khoán IB
 - 9/2017-nay: Giám đốc chi nhánh Hồ Chí Minh, CTCP Chứng khoán

| | |
|--|-------|
| | IB |
| 28. Chức vụ tại các tổ chức khác: | Không |
| 29. Vi phạm pháp luật: | Không |
| 30. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: | Không |
| 31. Khoản nợ với Công ty: | Không |
| 32. Lợi ích liên quan với Công ty: | Không |

3.3. Ban Kiểm soát

BÀ TRINH THI MỸ LÊ

Trưởng BKS

| | |
|-----------------------------------|---|
| 33. Giới tính: | Nữ |
| 34. Ngày sinh: | 13/09/1990 |
| 35. Nơi sinh: | Hải Tân, Hải Hậu, Nam Định |
| 36. Quốc tịch: | Việt Nam |
| 37. Địa chỉ thường trú: | Số nhà 53, Tổ 17, Phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, TP Hà Nội |
| 38. Nơi ở hiện nay: | Số nhà 53, Tổ 17, Phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, TP Hà Nội |
| 39. CNMD số: | 036190000230 ngày cấp: 03/02/2015 tại Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư. |
| 40. Trình độ chuyên môn: | Đại học |
| 41. Nghề nghiệp: | Kế toán |
| 42. Quá trình đào tạo chuyên môn: | - 2008 – 2012: Cử nhân Kế toán, Đại học Thương mại |
| 43. Quá trình công tác: | - T6/2012 – T3/2013: Kế toán Công ty TNHH SX và TM Quang Minh - T4/2013 – T2/2015: Kế toán Công ty TNHH Thế hệ mới Vĩnh Phúc - T3/2016 - nay: Kế toán Công ty CP FTG Việt Nam |
| 44. Chức vụ tại các tổ chức khác: | Kế toán Công ty CP FTG Việt Nam |

45. Vi phạm pháp luật: Không
46. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
47. Khoản nợ với Công ty: Không
48. Lợi ích liên quan với Công ty: Không

BÀ ĐOÀN THI
HƯƠNG
Thành viên BKS

1. Giới tính: Nữ
2. Ngày sinh: 23/01/1982
3. Nơi sinh: Đan Phượng – Hà Nội
4. Quốc tịch: Việt Nam
5. Địa chỉ thường trú: P101, nhà A3, Tổ 82, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, TP.Hà Nội
6. Nơi ở hiện nay: P101, nhà A3, Tổ 82, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, TP.Hà Nội
7. CNMD số: 012973500 ngày cấp 25/05/2007 nơi cấp CA Hà Nội
8. Trình độ chuyên môn: Đại học
9. Nghề nghiệp: Tài chính – Chứng khoán
10. Quá trình đào tạo chuyên môn:
- 2000-2004: Cử nhân Quản lý kinh tế, Đại học Kinh tế quốc dân
 - 2003: Chứng chỉ kế toán trưởng, Hội khoa học Kinh tế Hà Nội
 - 2007-2010: Các chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán và Chứng chỉ hành nghề Phân tích Tài chính, Trung tâm Nghiên cứu khoa học và Đào tạo chứng khoán, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
 - 2012: Chứng chỉ Quản lý quỹ, Trung tâm Nghiên cứu khoa học và Đào tạo chứng khoán
11. Quá trình công tác:
- 2007-4/2014: Phòng Vận hành, CTCP Chứng khoán Kenanga Việt Nam

- 4/2014- nay: Phòng nghiệp vụ,
CTCP Chứng khoán IB

- | | |
|--|----------|
| 12. Chức vụ tại các tổ chức khác: | Không có |
| 13. Vi phạm pháp luật: | Không |
| 14. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: | Không |
| 15. Khoản nợ với Công ty | Không |
| 16. Lợi ích liên quan với Công ty: | Không |

BÀ NGUYỄN THI
DUYÊN
Thành viên BKS

- | | |
|-----------------------------------|--|
| 1. Giới tính: | Nữ |
| 2. Ngày sinh: | 13/12/1978 |
| 3. Nơi sinh: | Hà Nội |
| 4. Quốc tịch: | Việt Nam |
| 5. Địa chỉ thường trú: | 87E Tổ 14A Thanh Lương, Hai Bà Trung, Hà Nội |
| 6. Nơi ở hiện nay: | 87E Tổ 14A Thanh Lương, Hai Bà Trung, Hà Nội |
| 7. CNMD số: | 001178014599 ngày cấp 25/08/2017 nơi cấp Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư |
| 8. Trình độ chuyên môn: | Đại học |
| 9. Nghề nghiệp: | Kế toán |
| 10. Quá trình đào tạo chuyên môn: | <ul style="list-style-type: none"> - 1999-2000: Cử nhân Cao đẳng chuyên ngành Kế toán, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội - 2004: Chứng chỉ Nghiệp vụ Kế toán kinh doanh, Hội khoa học kinh tế Hà Nội - 2008: Giấy chứng nhận Kế toán thực tế trong doanh nghiệp xuất nhập khẩu, Trung tâm nghiên cứu đào tạo và tư vấn Tài chính - Kế toán – Thuế |

| | |
|--|---|
| | - 2010-2014: Cử nhân Kế toán, Trường Đại học Kinh tế quốc dân |
| 11. Quá trình công tác: | <ul style="list-style-type: none"> - 2000-2003: Kế toán, Công ty vật liệu và công nghệ MaTech - 1/2004-12/2011: Kế toán, Công ty TNHH XNK và Du lịch Phương Việt Trung - 2012-2014: Kế toán, Công ty CP xúc tiến thương mại và XNK Vietsea - 3/2014-7/2014: Nhân viên Ban Quản lý, Tập đoàn Vingroup - 7/2014-nay: Hành chính nhân sự, CTCP Chứng khoán IB |
| 12. Chức vụ tại các tổ chức khác: | Không có |
| 13. Vi phạm pháp luật | Không |
| 14. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: | Không |
| 15. Khoản nợ với Công ty | Không |
| 16. Lợi ích liên quan với Công ty: | Không |

3.4. Kế toán trưởng

BÀ NGUYỄN THỊ THU

HÀNG

Kế toán trưởng

| | |
|-------------------------|--|
| 1. Giới tính: | Nữ |
| 2. Ngày sinh: | 05/08/1983 |
| 3. Nơi sinh: | Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái |
| 4. Quốc tịch: | Việt Nam |
| 5. Địa chỉ thường trú: | Tổ DP Giày da, Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội CH1205, TT-Cty Tổ DP Giày da, Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội |
| 6. Nơi ở hiện tại: | |
| 7. CNMD số: | 015183000026, ngày cấp 13/06/2014, nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân cư |
| 8. Trình độ chuyên môn: | Cử nhân kinh tế |

- | | |
|--|--|
| 9. Nghề nghiệp: | Kế toán |
| 10. Quá trình đào tạo chuyên môn: | - 2001-2005: Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kế toán – Kiểm toán, Đại học DL Phương Đông |
| 11. Quá trình công tác: | <ul style="list-style-type: none"> - 2006-2007: Kế toán, CT TNHH Thuận Phát - 2007-2008: Kế toán, CTCP Chứng khoán Biển Việt - 2008-2009: Kiểm soát nội bộ, CTCP Chứng khoán Quốc tế Việt Nam - 2009-2013: Kế toán, CTCP Chứng khoán Quốc tế Việt Nam - 2013-2015: Phụ trách kế toán, CTCP Chứng khoán Quốc tế Việt Nam - 2015-5/2017: Phó phòng Kế toán, CTCP Chứng khoán IB - 5/2017-5/2018: Quyền Kế toán trưởng, CTCP Chứng khoán IB - 5/2018- nay: Kế toán trưởng, Công ty cổ phần chứng khoán IB |
| 12. Chức vụ tại các tổ chức khác: | Không có |
| 13. Hành vi vi phạm pháp luật | Không |
| 14. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: | Không |
| 15. Khoản nợ với Công ty | Không |
| 16. Lợi ích liên quan với Công ty: | Không |

3. Hoạt động kinh doanh chính và các dự án, hợp đồng đang triển khai

3.1 Hoạt động kinh doanh chính của Công ty

Sản phẩm dịch vụ chính

Môi giới chứng khoán:

- IBSC làm trung gian giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư
- *Triết lý: "Công nghệ vượt trội, dịch vụ hoàn hảo"*
- Bộ sản phẩm giao dịch trực tuyến của IBSC:

| | |
|---|--|
| Mở tài khoản trực tuyến | <ul style="list-style-type: none">• Phương châm: giảm thiểu thủ tục hành chính• Cho phép đăng ký và hoàn thiện hồ sơ online 24/24 |
| Quản lý cổ đông trực tuyến | <ul style="list-style-type: none">• Cung cấp quyền truy cập và sử dụng phần mềm quản lý sổ cổ đông trực tuyến trên nền web, theo dõi tình hình biến động cơ cấu cổ đông trực tuyến 24/24 |
| Giao dịch qua Internet | <ul style="list-style-type: none">• Đặt lệnh mua, bán, hủy, sửa chứng khoán trực tuyến, theo dõi chi tiết tình trạng lệnh và kiểm tra lãi/lỗ của danh mục đầu tư theo giá thị trường trực tuyến, cập nhật các thông tin về tài khoản như số dư tiền mặt, số dư chứng khoán, sao kê tài khoản...• Hệ thống giao dịch qua Internet của IBSC cho phép không hạn chế số lượng người truy cập với tốc độ truyền lệnh chỉ tính bằng % giây. |
| Giao dịch qua hệ thống Call Center | <ul style="list-style-type: none">• Hệ thống Call Center được chia thành nhiều lines dành riêng cho đặt lệnh, tư vấn, và các yêu cầu khác• Mỗi line trượt vào nhiều máy tới trực tiếp đội ngũ môi giới và tư vấn nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu giao dịch hoặc tham vấn của nhà đầu tư. |
| Giao dịch qua điện thoại di động thông qua kết nối Wifi hoặc GPR | <ul style="list-style-type: none">• Thao tác đơn giản, an toàn phù hợp với các nhà đầu tư do đặc thù công việc phải di chuyển nhiều.• Theo dõi diễn biến giá chứng khoán, đặt lệnh mua, bán, hủy/sửa lệnh, theo dõi danh mục đầu tư, số dư tiền và chứng khoán, giá thị trường, tỉ lệ lãi lỗ theo giá thị trường... |
| Giao dịch qua tin nhắn | <ul style="list-style-type: none">• Là giải pháp lý tưởng dành cho những khách hàng giao dịch trong môi trường “không tiếng động” và hạn chế truy cập internet.• Thực hiện: Giao dịch mua bán chứng khoán, truy vấn tài khoản/nhận thông báo khớp lệnh, tra cứu giá chứng khoán, tra cứu chỉ số VN Index, HNX Index. |

Tư vấn Tài chính doanh nghiệp:

- | | |
|---------------------------|---|
| Tư vấn cổ phần hoá | <ul style="list-style-type: none">• Tư vấn lập phương án cổ phần hoá: phối hợp cùng |
|---------------------------|---|

Doanh nghiệp tổ chức hội nghị công nhân viên chức để tuyên truyền chủ trương, chính sách về cổ phần hoá công ty; lập phương án sắp xếp nhân sự, đào tạo lại lao động, lập phương án trợ cấp cho người mất việc, lập phương án phân phối cổ phần ưu đãi, xây dựng chương trình chào bán cổ phiếu cho nhà đầu tư chiến lược, xây dựng phương án kinh doanh sau chuyển đổi sang công ty cổ phần, lập phương án cổ phần hoá và xây dựng điều lệ hoạt động công ty, phối hợp tổ chức Đại hội đồng công nhân viên chức lấy ý kiến...

- Bán đấu giá cổ phần: xây dựng bản công bố thông tin, nộp hồ sơ đăng ký đấu giá bán cổ phần, xây dựng quy chế đấu giá, phối hợp với doanh nghiệp tổ chức buổi giới thiệu chào bán...
- Hoàn tất cổ phần hoá: tư vấn chọn lựa hình thức cổ phiếu và phương thức quản lý sổ cổ đông, tư vấn toàn bộ các nội dung liên quan đến tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành lập, thiết kế mẫu giấy chứng nhận sở hữu và xây dựng quy trình chuyển nhượng cổ phiếu, quy trình thực hiện quyền.

Tư vấn chuyển đổi hình thức sở hữu

- Tư vấn xác lập số liệu sổ sách để lên báo cáo kế toán, kiểm kê phân loại và xử lý tài chính;
 - Xác định giá trị doanh nghiệp;
 - Xác định cấu trúc tài chính và cơ cấu vốn tối ưu;
 - Xây dựng phương án chuyển đổi;
- Tư vấn triển khai thực hiện phương án chuyển đổi sau khi được chấp thuận.

Tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp

- Đánh giá hiện trạng doanh nghiệp bao gồm tình hình sản xuất kinh doanh, bộ máy quản lý, cơ cấu lao động, khả năng tài chính của doanh nghiệp,...
- Xây dựng phương án, lộ trình tái cấu trúc DN, thủ tục pháp lý và phương pháp thực hiện tái cấu trúc.
- Tập trung vào hai khía cạnh chính là tái cấu trúc tài chính (tái cấu trúc nợ, xây dựng cơ cấu vốn tối ưu cho đặc thù của DN, chuẩn hoá các vấn đề về tài chính) và tái cơ cấu tổ chức và hoạt động (xác định mô hình hoạt động tối ưu, chiến lược đầu tư và kinh doanh, chiến lược và cơ cấu tổ chức, phương thức điều hành)

Tư vấn tái cấu trúc nguồn vốn doanh nghiệp

- Nghiên cứu và phân tích cấu trúc nguồn vốn hiện tại;
- Xác định nhu cầu vốn;
- Xác định ưu nhược điểm của cấu trúc vốn hiện tại;
- Tư vấn cấu trúc nguồn vốn tối ưu, cách thức khả thi để

đạt được cấu trúc nguồn vốn tối ưu đó.

| | |
|---|---|
| Dịch vụ thu xếp vốn cho doanh nghiệp | <ul style="list-style-type: none"> • Xác định nhu cầu vốn hợp lý và hiệu quả của doanh nghiệp; • Tư vấn xác định hình thức huy động vốn, chi phí vốn phù hợp với nhu cầu và tình hình tài chính của doanh nghiệp và thị trường; • Xây dựng kế hoạch sử dụng vốn hiệu quả; • Chuẩn bị thủ tục huy động vốn và xây dựng lộ trình chi tiết cho việc thu xếp vốn; • Hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng hồ sơ năng lực; • Hỗ trợ doanh nghiệp tìm kiếm, tiếp xúc, đàm phán với đối tác cung cấp vốn; • Đàm phán và ký kết hợp đồng huy động vốn. • Hỗ trợ thúc đẩy tiến độ giải ngân theo đúng yêu cầu sử dụng vốn của doanh nghiệp. |
| Tư vấn phát hành chứng khoán | <ul style="list-style-type: none"> • Tư vấn tài chính và tái cấu trúc vốn doanh nghiệp; • Xác định quy mô vốn huy động tối ưu; • Xác định giá trị doanh nghiệp; • Định giá cổ phiếu (hoặc tư vấn lãi suất trái phiếu) phát hành; • Lập hồ sơ xin phép phát hành (nếu là phát hành ra công chúng); • Thực hiện phát hành chứng khoán. |
| Bảo lãnh phát hành cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp | <ul style="list-style-type: none"> • Với đội ngũ tư vấn giàu kinh nghiệm và có nhiều mối quan hệ đối tác chiến lược với các tổ chức tài chính, các ngân hàng thương mại, các quỹ đầu tư và các nhà đầu tư có tiềm năng, IBSC nằm trong số không nhiều công ty chứng khoán có khả năng thực hiện thành công bảo lãnh phát hành cổ phiếu/trái phiếu doanh nghiệp. • Tham gia các tổ hợp bảo lãnh phát hành để thực hiện các thương vụ bảo lãnh phát hành có giá trị lớn |
| Tư vấn niêm yết | <ul style="list-style-type: none"> • Chuẩn hoá các hồ sơ, tài liệu cho phù hợp với các tiêu chuẩn niêm yết; • Định giá chứng khoán niêm yết lần đầu; • Lập hồ sơ và xin giấy phép Sở GD&ĐT để niêm yết chứng khoán; • Hỗ trợ tìm kiếm và tiếp cận nhà đầu tư tiềm năng; • Thực hiện các thủ tục đưa cổ phiếu chính thức lên giao dịch trên sàn; • Hỗ trợ sau niêm yết (hỗ trợ DN thực hiện công bố thông tin và duy trì mối quan hệ với cổ đông) |
| Tư vấn mua và sáp nhập công | <ul style="list-style-type: none"> • Xây dựng chiến lược mua/sáp nhập công ty và lựa chọn |

| | |
|--|---|
| ty | đối tượng mua/sáp nhập; <ul style="list-style-type: none"> • Khảo sát đánh giá; • Định giá công ty; • Xây dựng cấu trúc và thương lượng hợp đồng |
| Tư vấn bán và giải thể công ty | <ul style="list-style-type: none"> • Chuẩn bị tài liệu cho quá trình bán; • Xác định đối tác mua với giá tốt nhất; • Liên lạc và dàn xếp với đối tác mua; • Đàm phán và kết thúc giao dịch; |
| Ủy thác đấu thầu trái phiếu Chính phủ | <ul style="list-style-type: none"> • Thay mặt khách hàng tính toán và tư vấn mức lãi suất bỏ thầu tối ưu, đồng thời trực tiếp tham gia bỏ thầu nhằm đảm bảo mức độ thành công và hiệu quả cao nhất cho khách hàng. |
| Tư vấn bán đấu giá cổ phần | <ul style="list-style-type: none"> • Với mạng lưới giao dịch và khách hàng rộng rãi, IBSC sẵn sàng làm tổ chức trung gian thực hiện đấu giá bán cổ phần cho các doanh nghiệp Nhà nước cổ phần hoá, bán bớt phần vốn Nhà nước tại các doanh nghiệp đã cổ phần hoá và đấu giá phát hành cổ phiếu ra công chúng cho các công ty cổ phần có nhu cầu. |

Hoạt động nghiên cứu phân tích và Tư vấn đầu tư:

- **Phương châm:** "Am hiểu khách hàng, tối đa hóa giá trị đầu tư"
- Thường xuyên tiến hành đánh giá chất lượng dịch vụ thông qua chất lượng của đội ngũ nhân viên
- Chuyên viên tư vấn đầu tư của IBSC bên cạnh việc liên tục cập nhật tình hình thị trường còn thường xuyên tổ chức các chuyến khảo sát doanh nghiệp để thực hiện nghiên cứu và phân tích chuyên sâu về các mã chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết mà nhà đầu tư quan tâm.
- Đưa ra ý kiến tư vấn phù hợp trên cơ sở thấu hiểu được khả năng tài chính, mức độ chấp nhận rủi ro và mục tiêu của từng đối tượng nhà đầu tư cụ thể.

Tư vấn quan hệ nhà đầu tư:

- Cung cấp cho nhà đầu tư thông tin của công ty, giúp các nhà đầu tư hiểu sâu hơn về hoạt động công ty từ đó đưa ra quyết định đầu tư kịp thời;
- Giúp doanh nghiệp xây dựng quan hệ hợp tác trên cơ sở lợi ích chung với nhà đầu tư;
- Cung cấp cho doanh nghiệp những phản hồi từ nhà đầu tư về vị thế của doanh nghiệp trên thị trường, chiến lược và sáng kiến của doanh nghiệp trong việc tạo dựng và duy trì giá trị;
- Giúp doanh nghiệp hiểu tâm lý của cộng đồng nhà đầu tư (họ phản ứng như thế nào với các hoạt động của doanh nghiệp, họ mong muốn điều gì ở doanh nghiệp và tại sao,...);
- Tạo dựng hình ảnh chuyên nghiệp của công ty khi tiếp xúc với nhà đầu tư, nhà phân tích, báo giới,...

Dịch vụ làm đại lý đầu giá:

- IBSC là đại lý đầu giá đầy đủ tiêu chuẩn của Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, có đội ngũ nhân sự kinh nghiệm và cơ sở hạ tầng phù hợp để tiến hành các hoạt động đầu giá;

Dịch vụ hỗ trợ đầu giá mua cổ phần:

- Phù hợp với các nhà đầu tư có nhu cầu tham gia đầu giá mua cổ phần của các công ty thực hiện bán đầu giá cổ phần ra công chúng hoặc các doanh nghiệp Nhà nước bán đầu giá cổ phần khi thực hiện cổ phần hóa nhưng không đủ tiền mua.
- IBSC cung cấp cho các nhà đầu tư dịch vụ hỗ trợ đầu giá mua cổ phần thông qua các điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng hỗ trợ đầu giá với các điều khoản cụ thể về mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ và mức phí hỗ trợ đối với từng đợt bán đầu giá cổ phần.

3.2. Doanh thu từ các mảng dịch vụ qua các năm

Doanh thu theo mảng dịch vụ năm 2015, 2016, 2017 và 9 tháng đầu năm 2018

| Khoản mục | Năm 2015 | | Năm 2016 | | Năm 2017 | | 9 tháng đầu năm 2018 | |
|--|----------------------------|--------------------|----------------------------|--------------------|----------------------------|-----------------|----------------------------|--------------------|
| | Giá trị (triệu đồng) | Tỷ trọng (%) | Giá trị (triệu đồng) | Tỷ trọng (%) | Giá trị (triệu đồng) | Tỷ trọng (%) | Giá trị (triệu đồng) | Tỷ trọng (%) |
| DT hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn | 121.999 | 79,89 | 204.067 | 76,91 | 303.230 | 78,54 | 273.339 | 75,30 |
| Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 149 | 0,1 | 57 | 0,02 | - | - | - | - |
| Lãi từ các khoản cho vay và phải thu | 9.910 | 6,49 | 28.011 | 10,56 | 45.796 | 11,86 | 42.947 | 11,83 |
| DT hoạt động môi giới chứng khoán | 7.090 | 4,64 | 21.125 | 7,96 | 22.802 | 5,91 | 35.963 | 9,91 |
| DT hoạt động bảo lãnh | 8.455 | 5,54 | 3.012 | 1,14 | 4.720 | 1,22 | 980 | 0,27 |

| | | | | | | | | |
|---------------------------------------|----------------|---------------|----------------|---------------|----------------|---------------|----------------|---------------|
| DT hoạt động lưu ký chứng khoán | 928 | 0,61 | 2.029 | 0,76 | 2.655 | 0,69 | 3.863 | 1,06 |
| DT hoạt động tư vấn | 4.175 | 2,73 | 7.015 | 2,64 | 6.866 | 1,78 | 5.929 | 1,63 |
| DT khác | 10 | 0,01 | - | - | - | - | - | - |
| Tổng cộng | 152.716 | 100,00 | 265.317 | 100,00 | 386.069 | 100,00 | 363.021 | 100,00 |

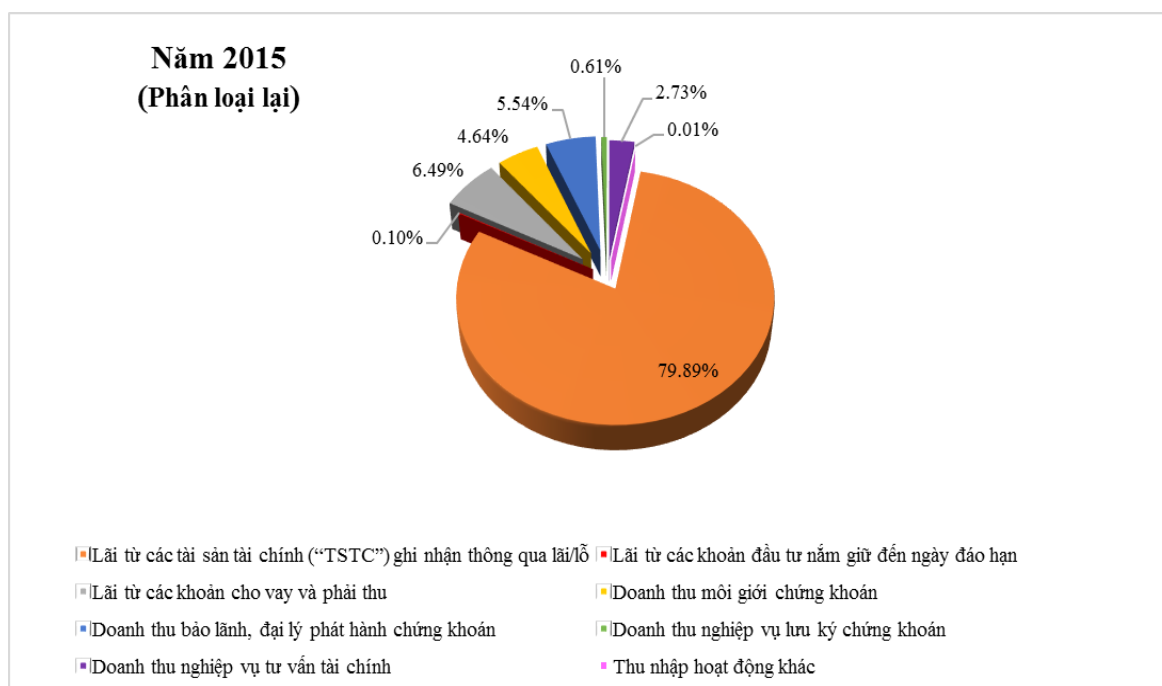
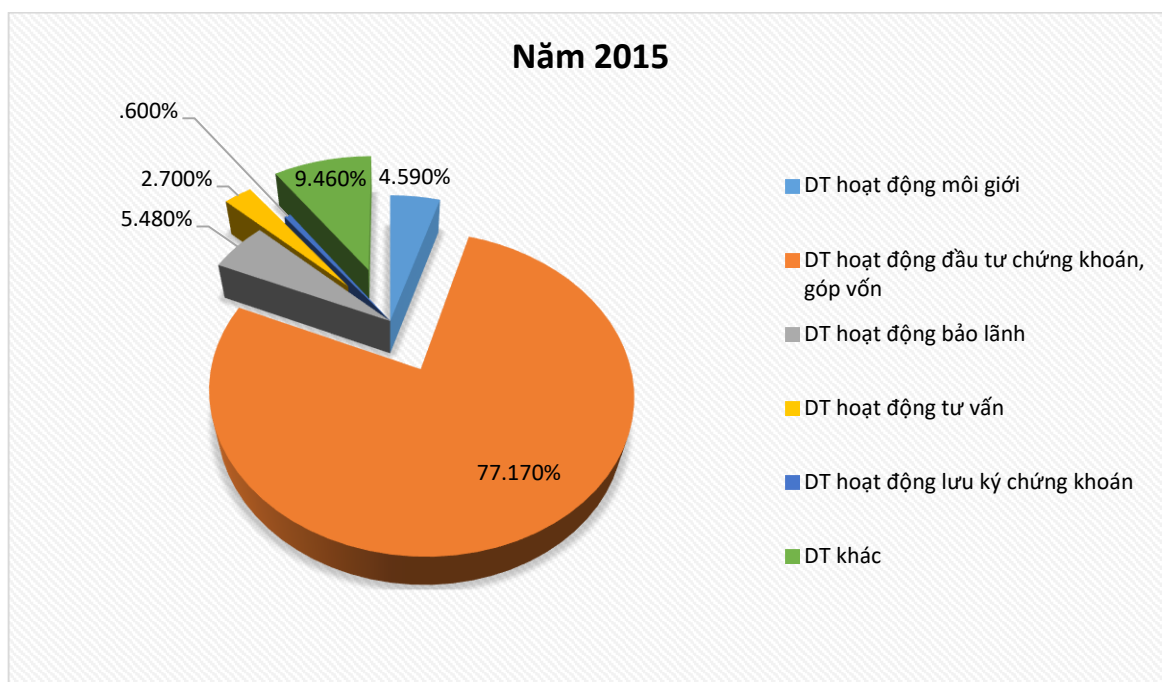
Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2015, 2016, 2017 và BCTC riêng 9 tháng đầu năm 2018 của IBSC

Doanh thu hoạt động của IBSC năm 2016 so với năm 2015 tăng 73,73% từ 152,72 tỷ năm 2015 lên 265,31 tỷ năm 2016. Trong đó năm 2016 đã có sự đột biến về doanh thu hoạt động tự doanh, hoạt động môi giới, hoạt động lưu ký chứng khoán và lãi từ các khoản cho vay và phải thu từ việc công ty đẩy mạnh phát triển hoạt động môi giới. Doanh thu hoạt động môi giới tăng gấp 2,97 lần so với năm 2015 từ hơn 7 tỷ đồng lên hơn 21 tỷ đồng năm 2016. Từ sự tăng trưởng của hoạt động môi giới dẫn đến sự tăng lên của khoản lãi từ các khoản các khoản cho vay và phải thu cũng tăng 2,83 lần từ 9,9 tỷ lên hơn 28 tỷ. Doanh thu từ hoạt động tự doanh cũng tăng gấp 1,67 lần từ 121,99 tỷ lên 204,07 tỷ năm 2016. Doanh thu của nghiệp vụ tư vấn tài chính tăng mạnh từ 4,18 tỷ năm 2015 lên hơn 7 tỷ đồng vào năm 2016.

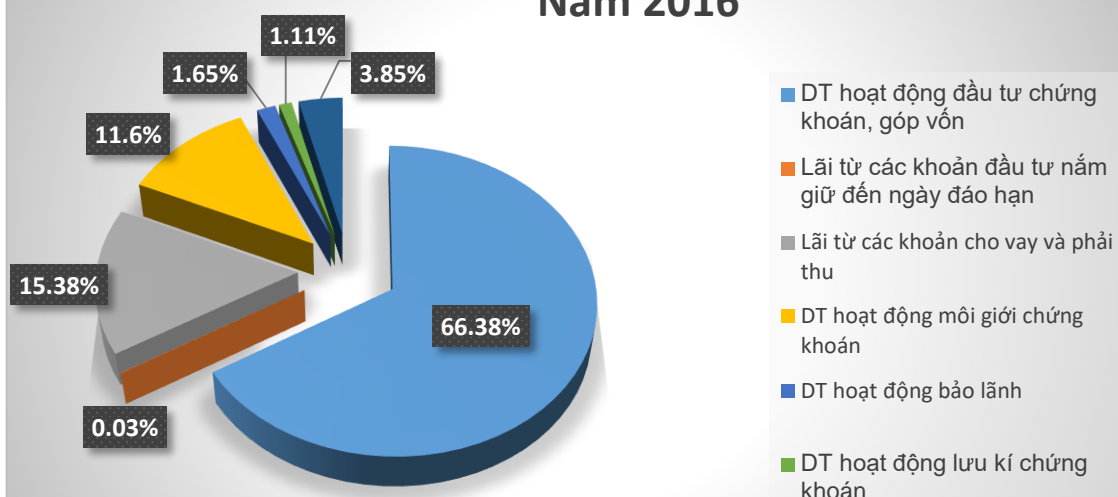
Doanh thu hoạt động của IBSC năm 2017 so với năm 2016 tăng 45,51% từ 265,32 tỷ năm 2016 lên 389,07 tỷ năm 2017. Trong đó năm 2017 đã có sự tăng trưởng mạnh trong các mảng: hoạt động tự doanh tăng 48,59% từ 204,06 tỷ năm 2016 lên 303,23 tỷ năm 2017, lãi từ các khoản cho vay và phải thu tăng đột biến 63,49% từ 28,01 tỷ năm 2016 lên 45,80 tỷ năm 2017. Doanh thu từ mảng hoạt động bảo lãnh, lưu ký chứng khoán vẫn giữ vững, tăng tương ứng 56,68% và 30,83% so với năm trước. Mặc dù, năm 2017 không có lãi nhận được từ các khoản nắm giữ đến ngày đáo hạn và doanh thu từ hoạt động tư vấn chứng khoán có giảm nhưng số lượng nhỏ, chiếm tỷ trọng không đáng kể.

Doanh thu hoạt động trong vòng 9 tháng đầu năm vẫn chủ yếu đến từ 3 mảng chính: hoạt động tự doanh chiếm 75,30% tổng doanh thu hoạt động kinh doanh, sau đó là lãi từ các khoản cho vay và phải thu chiếm tới 11,83% và môi giới chiếm tới 9,91% trong cơ cấu doanh thu hoạt động.

Biểu đồ cơ cấu doanh thu

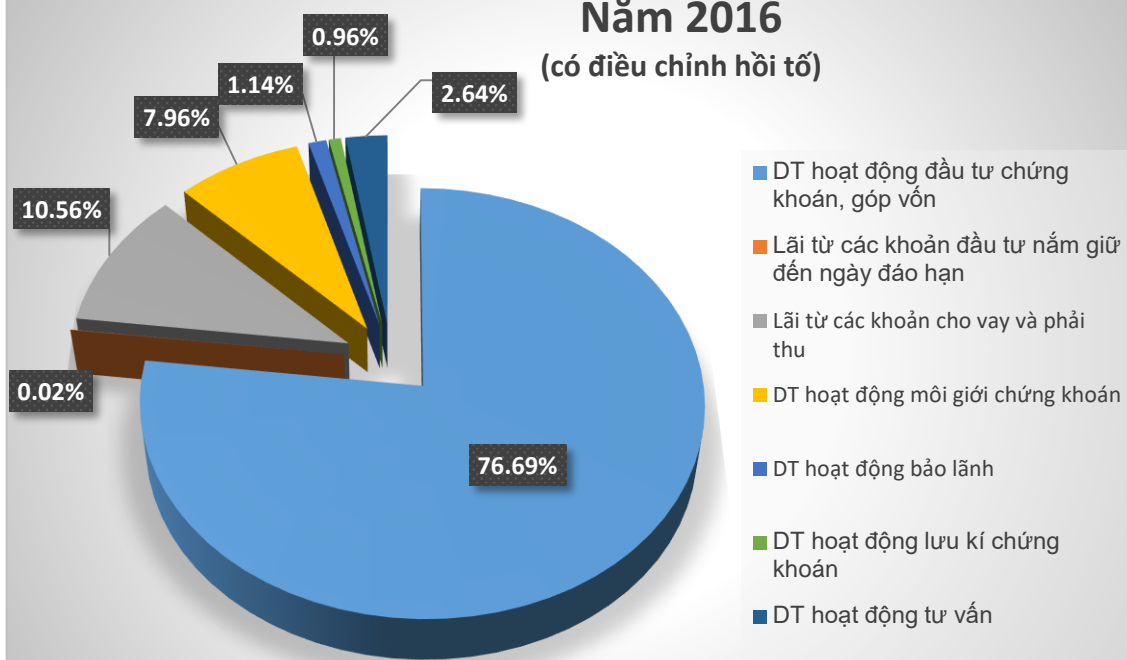


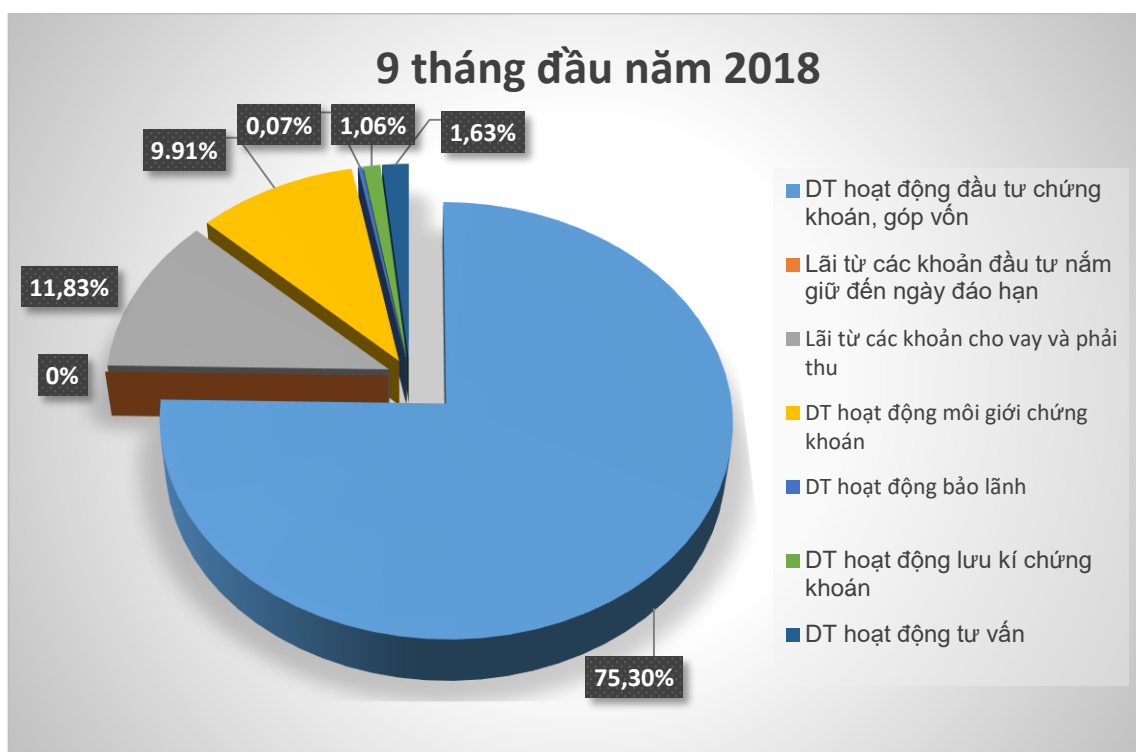
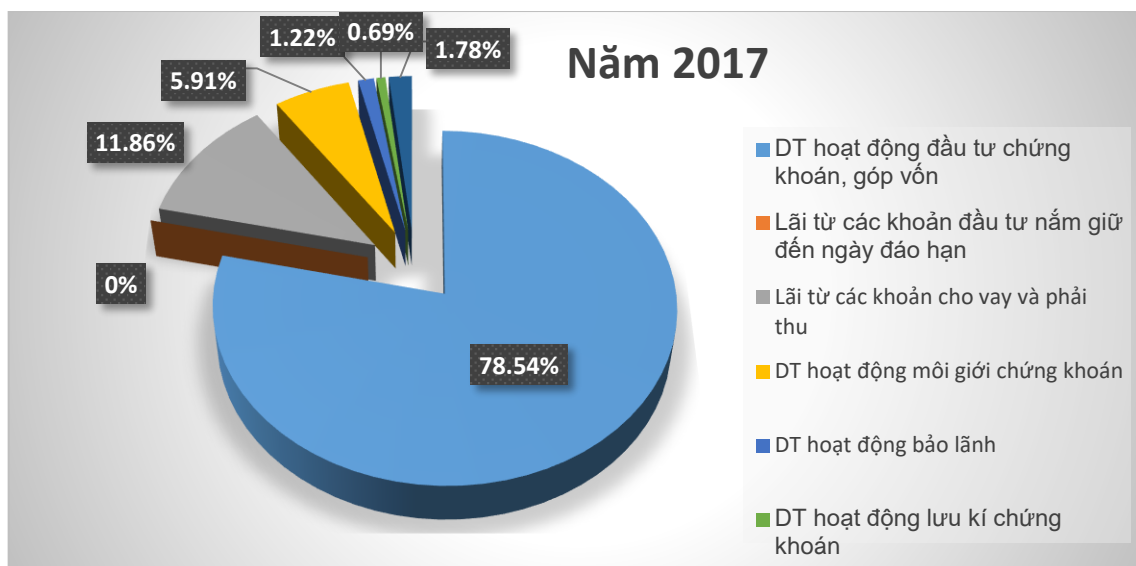
Năm 2016



Năm 2016

(có điều chỉnh hồi tố)





Cơ cấu doanh thu hoạt động của IBSC tương đối ổn định qua các năm. Hoạt động tự doanh vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất, luôn trên 70%, tiếp sau đó là lãi từ các khoản cho vay và phải thu, sau đó là doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán.

3.3. Chi phí hoạt động

Với đặc thù của một Công ty chuyên cung cấp các dịch vụ tư vấn tài chính và môi giới chứng khoán, chi phí của IBSC chủ yếu là chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán và chi phí quản lý doanh nghiệp. Tuy nhiên, năm 2017 chi phí tài chính tăng mạnh, chiếm tỷ trọng thứ 2, sau chi phí hoạt động kinh doanh.

Cơ cấu chi phí

| TT | Yếu tố chi phí | Năm 2015 (Phân loại lại) | | Năm 2016 (Có điều chỉnh hồi) | | Năm 2017 | | 9 tháng đầu năm 2018 | |
|------------------|------------------------------|-----------------------------|---------------|---------------------------------|---------------|-------------------------|---------------|-------------------------|---------------|
| | | Giá trị (triệu đồng) | Tỷ trọng (%) | Giá trị (triệu đồng) | Tỷ trọng (%) | Giá trị (triệu đồng) | Tỷ trọng (%) | Giá trị (triệu đồng) | Tỷ trọng (%) |
| 1 | Chi phí hoạt động kinh doanh | 56.793 | 72,24 | 92.779 | 72,22 | 214.842 | 72,13 | 85.722 | 70,39 |
| 2 | Chi phí tài chính | 413 | 0,53 | 10.726 | 8,35 | 58.923 | 19,78 | 22.012 | 18,07 |
| 3 | Chi phí quản lý | 21.407 | 27,23 | 24.953 | 19,43 | 22.829 | 7,66 | 13.605 | 11,17 |
| 4 | Chi phí khác | 0,382 | 0,00 | 0,125 | 0,00 | 1.263 | 0,42 | 00,45 | 0,37 |
| Tổng cộng | | 78.613 | 100,00 | 128.458 | 100,00 | 297.858 | 100,00 | 121.789 | 100,00 |

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2015, 2016, 2017 và BCTC riêng 9 tháng đầu năm 2018 của IBSC

a. So sánh cơ cấu chi phí kinh doanh

Cơ cấu chi phí hoạt động kinh doanh năm 2015, 2016, 2017 và 9 tháng đầu năm 2018

| Chi phí | Năm 2015 Phân loại lại | | Năm 2016 (Có điều chỉnh hồi tố) | | Năm 2017 | | 9 tháng đầu năm 2018 | |
|---|---------------------------|-----------------|------------------------------------|-----------------|-------------------------|-----------------|-------------------------|-----------------|
| | Giá trị (triệu đồng) | %/ Doanh thu | Giá trị (triệu đồng) | %/ Doanh thu | Giá trị (triệu đồng) | %/ Doanh thu | Giá trị (triệu đồng) | %/ Doanh thu |
| Lỗ các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ | 45.062 | 29,51 | 70.999 | 26,76 | 187.751 | 48,63 | 51.971 | 60,63 |
| - Lỗ bán các TSTC | 42.411 | 27,77 | 44.605 | 16,81 | 32.549 | 8,43 | 12.352 | 14,41 |
| - Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC | 2.560 | 1,68 | 26.394 | 9,95 | 155.165 | 40,19 | 39.619 | 46,22 |
| - Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính | 91 | 0,06 | - | - | 38 | 0,01 | - | - |

| | | | | | | | | |
|--|---------------|--------------|---------------|--------------|----------------|--------------|---------------|--------------|
| Chi phí dự phòng TSTC | - | - | - | - | - | - | 280 | 0,33 |
| Chi phí hoạt động tự doanh | 1.458 | 0,95 | 3.214 | 1,21 | 4.423 | 1,15 | 1.933 | 2,25 |
| Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán | 3.778 | 2,47 | 9.687 | 3,65 | 11.306 | 2,93 | 16.022 | 18,69 |
| Chi phí hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán | - | - | 57 | 0,02 | - | - | - | - |
| Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán | 2.515 | 1,65 | 3.786 | 1,43 | 5.064 | 1,31 | 7.325 | 8,85 |
| Chi phí hoạt động tư vấn tài chính | 3.962 | 2,59 | 3.862 | 1,46 | 4.834 | 1,25 | 7.575 | 8,84 |
| Chi phí khác | 16 | 0,01 | 1.175 | 0,44 | 1.465 | 0,38 | 615 | 0,72 |
| Tổng cộng | 56.793 | 37,19 | 92.779 | 34,97 | 214.842 | 55,65 | 71.282 | 33,84 |

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2015, 2016, 2017 và BCTC riêng 9 tháng đầu năm 2018 của IBSC

Tỷ trọng chi phí hoạt động kinh doanh trên doanh thu từ hoạt động kinh doanh năm 2015, năm 2016 và năm 2017 lần lượt là 37,19%, 34,97%, 55,65%. Năm 2017, chi phí từ hoạt động kinh doanh chiếm tỷ trọng lớn trên doanh thu hoạt động là do sự tăng mạnh chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính (chiếm tận 40,19% doanh thu hoạt động, tăng từ 26 tỷ năm 2016 lên đến 155 tỷ năm 2017).

Chi phí hoạt động kinh doanh từ năm 2015 đến năm 2016 tăng 63,36% và từ năm 2016 đến năm 2017 tăng 131,56%. Sự tăng đột biến đó đến từ sự tăng mạnh lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua chênh lệch đánh giá lại TSTC từ 2,5 tỷ năm 2015 lên đến 26 tỷ năm 2016 và tận 155 tỷ năm 2017. Năm 2016 có sự tăng trưởng doanh thu môi giới cũng làm tăng lên chi phí hoạt động môi giới. Tuy hoạt động tư vấn tài chính có tăng trưởng doanh thu mạnh nhưng chi phí không thay đổi theo tốc độ tăng doanh thu do đặc thù của hoạt động tư vấn.

Chi phí hoạt động kinh doanh trong 9 tháng đầu năm 2018 giảm xuống chiếm 23,61% doanh thu hoạt động, chủ yếu do giảm từ lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

b. So sánh cơ cấu chi phí quản lý doanh nghiệp

Cơ cấu chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2015, 2016, 2017 và 9 tháng đầu năm 2018

| Chi phí | Năm 2015 Phân loại lại | | Năm 2016 Có điều chỉnh hồi tố | | Năm 2017 | | 9 tháng đầu năm 2018 | |
|--|----------------------------|--------------------|----------------------------------|--------------------|----------------------------|--------------------|----------------------------|--------------------|
| | Giá trị (triệu đồng) | %/ Doanh thu | Giá trị (triệu đồng) | %/ Doanh thu | Giá trị (triệu đồng) | %/ Doanh thu | Giá trị (triệu đồng) | %/ Doanh thu |
| Chi phí lương và các khoản khác theo lương | 6.553 | 4,29 | 9.138 | 3,44 | 8.606 | 2,23 | 5.025 | 1,38 |
| Chi phí bảo hiểm | 573 | 0,38 | 659 | 0,25 | 583 | 0,15 | (*) | |
| Chi phí công cụ, dụng cụ | 1.231 | 0,81 | 2.183 | 0,82 | 904 | 0,23 | 206 | 0,06 |
| Chi phí thuê văn phòng | 3.113 | 2,04 | 3.855 | 1,45 | 4.269 | 1,11 | 2.025 | 0,056 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 867 | 0,57 | 1.155 | 0,44 | 1.109 | 0,29 | 780 | 0,21 |
| Chi phí thuế, phí và lệ phí | 1.601 | 1,05 | 907 | 0,34 | 720 | 0,19 | 786 | 0,22 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 3.074 | 2,01 | 4.214 | 1,59 | 4.878 | 1,26 | 3.398 | 0,94 |
| Chi phí khác | 4.393 | 2,88 | 2.843 | 1,07 | 1.760 | 0,46 | 1.383 | 0,38 |
| Tổng cộng | 21.407 | 14,02 | 24.953 | 9,41 | 22.829 | 5,91 | 13.604 | 3,75 |

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2015, 2016, 2017 và BCTC riêng 9 tháng đầu năm 2018 của IBSC

(*) chi phí bảo hiểm 9 tháng đầu năm 2018 đã bao gồm trong chi phí nhân viên ở mục chi phí lương và các khoản khác

Chi phí quản lý doanh nghiệp chủ yếu là chi phí lương, chi phí thuê văn phòng, chi phí khấu hao TSCĐ và chi phí dịch vụ mua ngoài. Chi phí quản lý doanh nghiệp dần giảm tỷ trọng so với doanh thu hoạt động năm 2015, năm 2016 và năm 2017 lần lượt là 14,02%, 9,41% và 5,91%. Đặc biệt năm 2017, chi phí quản lý của IBSC giảm 8,51%, chủ yếu do giảm từ chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí lương. Trong 9 tháng đầu năm 2018, tỷ trọng chi phí quản lý trên doanh thu giảm xuống còn 3,75%.

4. Tình hình tài chính

4.1 Các chỉ tiêu tài chính cơ bản của doanh nghiệp trong 3 năm liên trước năm phát hành

| TT | Chỉ tiêu | 2016 | 2017 | 2018 |
|----|-----------------------------------|-----------------|-----------------|-------------------|
| 1 | Vốn chủ sở hữu (đồng) | 856,194,057,244 | 924,565,652,543 | 1,104,319,213,025 |
| 2 | Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu | 2.77 | 2.32 | 2.59 |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế (đồng) | 111,868,050,833 | 78,301,780,738 | 216,555,850,482 |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | 13.07% | 8.47% | 19.61% |
| 5 | Tỷ lệ an toàn vốn | 329.3% | 302.5% | 306.5% |

4.2 Tình hình thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty luôn thực hiện tốt các khoản nợ đến hạn. Căn cứ vào Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2017 và Báo cáo tài chính quý IV năm 2018 của IBSC, Công ty đã thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ.

4.3 Tình hình nộp ngân sách nhà nước

Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện kê khai, nộp đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật. Các khoản thuế Công ty thực hiện trong năm 2015, 2016, năm 2017 và 9 tháng đầu năm 2018 như sau:

Các khoản phải nộp

ĐVT: VND

| Chỉ tiêu | 31/12/2015 | 31/12/2016 | 31/12/2017 | 30/09/2018 |
|----------------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Thuế Thu nhập doanh nghiệp | 11.645.288.025 | 5.007.099.293 | 14.409.961.104 | 15.230.911.060 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 820.813.264 | 2.062.426.826 | 1.501.260.916 | 967.389.756 |
| Thuế giá trị gia tăng | 35.613.467 | 37.324.558 | - | - |
| Tổng cộng | 12.501.714.756 | 7.106.850.677 | 15.911.222.020 | 17.198.300.816 |

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2015, 2016, 2017 và BCTC riêng 9 tháng đầu năm 2018 của IBSC

Hiện tại, Công ty đều thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản phải nộp theo luật định, các khoản thuế đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Nhà nước. Công ty không có các khoản nợ phải nộp theo luật định.

III. THÔNG TIN VỀ ĐỢT PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU

1. Căn cứ pháp lý của đợt phát hành:

- Nghị định số 163/2018/NĐ – CP ngày 04 tháng 12 năm 2018 của Chính phủ về phát hành trái phiếu doanh nghiệp.
- Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Chứng Khoán IB thông qua phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ năm 2019.

2. Việc đáp ứng các điều kiện phát hành trái phiếu của doanh nghiệp:

- Thời gian hoạt động của doanh nghiệp: năm 2007
- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018: Lợi nhuận sau thuế năm 2018 của Công ty đạt hơn 216 tỷ đồng.
- Số lượng nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu của đợt phát hành: Dưới 100 nhà đầu tư
- Phương án phát hành trái phiếu đã được phê duyệt tại: Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Chứng Khoán IB thông qua phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ năm 2019.
- Tình hình thanh toán các khoản nợ trái phiếu đến hạn trong 03 năm liền kề trước đợt phát hành trái phiếu: Luôn thanh toán đúng hạn
- Việc đáp ứng các tỷ lệ an toàn hoạt động theo quy định pháp luật: Công ty luôn đáp ứng.

3. Mục đích phát hành trái phiếu:

Số tiền thu được từ đợt phát hành Trái phiếu sẽ được sử dụng cho mục đích tăng quy mô vốn hoạt động của doanh nghiệp, cụ thể:

- Đầu tư kinh doanh chứng khoán
- Cho vay giao dịch ký quỹ
- Tăng quy mô vốn cho các hoạt động khác của Công ty

4. Tổng giá trị trái phiếu dự kiến phát hành: 200.000.000.000 (hai trăm tỷ) đồng

5. Điều kiện, điều khoản của trái phiếu:

- Kỳ hạn trái phiếu: Dự kiến 03 (ba) năm
- Mệnh giá trái phiếu: 100.000.000 (một trăm triệu) đồng/trái phiếu
- Loại hình trái phiếu: Trái phiếu doanh nghiệp, không chuyển đổi, có đảm bảo bằng tài sản, không kèm chứng quyền.
- Hình thức trái phiếu: Bút toán ghi sổ, có phát hành Giấy chứng nhận sở hữu Trái phiếu
- Lãi suất danh nghĩa trái phiếu:

- Lãi suất được xác định trên cơ sở nhu cầu Nhà đầu tư tại thời điểm chào bán và phù hợp với điều kiện của Công ty.
- Dự kiến mức Lãi suất Trái phiếu không vượt quá **12%/năm**.

() Nhà đầu tư khi thực hiện đầu tư trái phiếu phát hành riêng lẻ năm 2019 của Tổ Chức Phát Hành tham khảo thêm Bản công bố thông tin chi tiết tại thời điểm phát hành.*

6. Ngày phát hành dự kiến: Quý 1 năm 2019

7. Phương thức phát hành: Theo quy định tại Nghị định 163/2018/NĐ – CP ngày 04/12/2018.

8. Quyền của nhà đầu tư sở hữu trái phiếu:

- Được Tổ Chức Phát Hành trái phiếu thanh toán đầy đủ, đúng hạn gốc, lãi trái phiếu khi đến hạn.
- Được dùng trái phiếu để chuyển nhượng, cho, tặng, để lại, thừa kế, chiết khấu và sử dụng trái phiếu làm tài sản đảm bảo trong các quan hệ dân sự và quan hệ thương mại theo quy định của pháp luật.
- Được nhận gốc và lãi Trái phiếu khi thực hiện xử lý tài sản đảm bảo để đảm bảo cho các nghĩa vụ nợ của Tổ Chức Phát Hành trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành không thực hiện thanh toán đầy đủ và đúng hạn gốc và lãi Trái phiếu.

9. Cam kết về tài sản bảo đảm (“Tài Sản Bảo Đảm”)

- Hình thức đảm bảo: Bảo đảm bằng tài sản của Tổ Chức Phát Hành và/hoặc của tổ chức/cá nhân khác.

10. Mua lại trái phiếu trước hạn: Trái phiếu có thể được mua lại trước hạn một phần hoặc toàn bộ theo đề nghị của Tổ Chức Phát Hành hoặc Người Sở Hữu Trái Phiếu trên cơ sở tuân thủ các Điều khoản và Điều kiện của Trái phiếu

11. Nhà đầu tư mua trái phiếu tự đánh giá mức độ rủi ro trong việc đầu tư trái phiếu, hạn chế về giao dịch trái phiếu được đầu tư và tự chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình.

IV. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH VÀ KẾ HOẠCH THANH TOÁN GỐC LÃI CHO NHÀ ĐẦU TƯ

1. Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ đợt phát hành trái phiếu:

Số tiền thu được từ đợt phát hành Trái phiếu sẽ được sử dụng cho mục đích tăng quy mô vốn hoạt động của doanh nghiệp, cụ thể:

- Đầu tư kinh doanh chứng khoán
- Cho vay giao dịch ký quỹ
- Tăng quy mô vốn cho các hoạt động khác của Công ty.

2. Phương thức và kế hoạch thanh toán gốc, lãi:

Tiền lãi Trái Phiếu được trả sau, định kỳ vào Ngày Thanh Toán Lãi.

- Trừ khi Trái Phiếu được mua lại trước hạn theo các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu, tiền gốc Trái Phiếu sẽ được thanh toán một lần bằng mệnh giá Trái Phiếu vào Ngày Đáo Hạn của Trái Phiếu

V. CÁC RỦI RO CÓ THỂ XẢY RA LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU

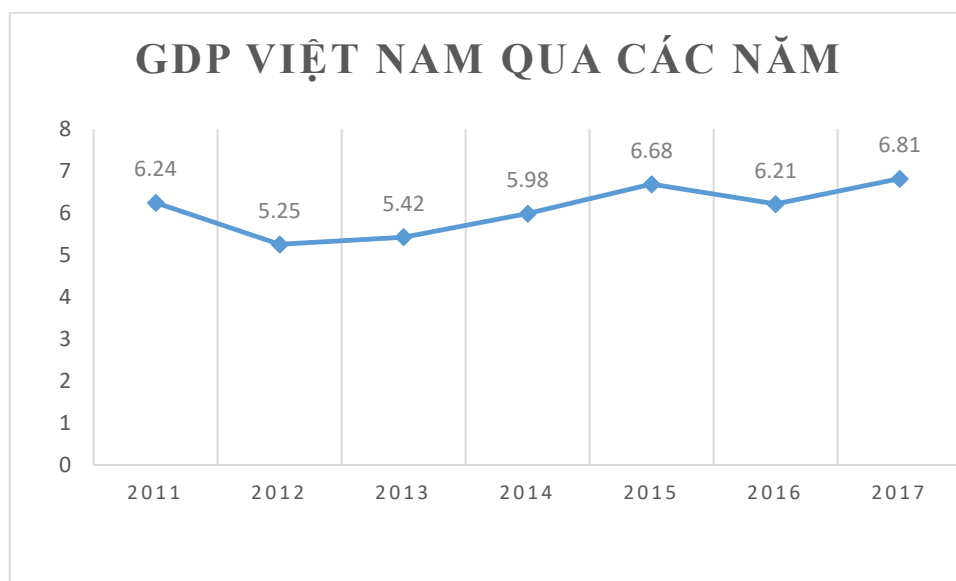
Rủi ro về kinh tế

Sự phát triển của nền kinh tế sẽ tác động đến mọi lĩnh vực, ngành nghề và đối tượng trong nền kinh tế, trong đó có Công ty Cổ phần Chứng khoán IB (IBSC). Các chỉ số kinh tế vĩ mô chính thường được sử dụng để đánh giá sự phát triển của nền kinh tế một quốc gia bao gồm: tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái,...

1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nguyên nhân quan trọng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực trong xã hội. Tăng trưởng kinh tế sẽ làm tăng nhu cầu chi tiêu trong xã hội, thúc đẩy gia tăng sản lượng công nghiệp, tăng đầu tư của cá nhân và pháp nhân trong nền kinh tế.

Biểu 1: Tỷ lệ tăng trưởng GDP qua các năm 2011 – 2017 (Đvt:%)



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Thống kê, tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2017 ước tính tăng 6,81% so với năm 2016, trong đó quý I tăng 5,15%; quý II tăng 6,28%; quý III tăng 7,46%; quý IV tăng 7,65%. Mức tăng trưởng năm nay vượt mục tiêu đề ra 6,7% và cao hơn mức tăng của các năm từ 2011-2016, khẳng định tính kịp thời và hiệu quả của các giải pháp được Chính phủ ban hành, chỉ đạo quyết liệt các cấp, các ngành, các địa phương cùng nỗ lực thực hiện. Trong mức tăng 6,81% của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đã có sự phục hồi đáng kể với mức tăng 2,9% (cao hơn mức tăng 1,36% của năm 2016), đóng góp 0,44 điểm phần trăm vào mức tăng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,00%, đóng góp 2,77 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ tăng 7,44%, đóng góp 2,87 điểm phần trăm.

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý III năm 2018 ước tính tăng 6,88% so với cùng kỳ năm trước, tuy thấp hơn mức tăng 7,45% của quý I nhưng cao hơn mức tăng 6,73% của quý II, cho thấy nền kinh tế vẫn giữ được đà tăng trưởng. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,46%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,61% và khu vực dịch vụ tăng 6,87%. Tăng trưởng quý III/2018 thấp hơn tốc độ tăng trưởng quý III/2017 nhưng cao hơn tăng trưởng quý III các năm 2011-2016. Xét về góc độ sử dụng GDP quý III năm 2018, tiêu dùng cuối cùng tăng 7,02% so với cùng kỳ năm trước; tích lũy tài sản tăng 8,61%; xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 15,13%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 14,76%.

Tính chung 9 tháng năm 2018, GDP ước tính tăng 6,98% so với cùng kỳ năm trước, là mức tăng cao nhất của 9 tháng kể từ năm 2011 trở về đây. Trong mức tăng trưởng của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,65%, đóng góp 8,8% vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,89%, đóng góp 48,7%; khu vực dịch vụ tăng 6,89%, đóng góp 42,5%.

Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt mức tăng trưởng 9 tháng năm 2018 cao nhất trong giai đoạn 2012-2018, từng bước khẳng định xu thế chuyển đổi cơ cấu ngành đã phát huy hiệu quả, mặt khác giá bán sản phẩm ổn định cùng với thị trường xuất khẩu được mở rộng là động lực chính thúc đẩy sản xuất của khu vực này. Trong đó, ngành nông nghiệp tiếp tục khẳng định xu hướng phục hồi rõ nét khi đạt mức tăng 2,78%, là mức tăng cao nhất của 9 tháng giai đoạn 2012-2018, đóng góp 0,36 điểm phần trăm vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; ngành thủy sản đạt kết quả khá tốt với mức tăng 6,37%, cũng là mức tăng trưởng cao nhất 8 năm qua, đóng góp 0,22 điểm phần trăm; ngành lâm nghiệp tăng 5,9% nhưng chiếm tỷ trọng thấp nên chỉ đóng góp 0,04 điểm phần trăm.

Trong khu vực công nghiệp và xây dựng, ngành công nghiệp duy trì mức tăng trưởng khá với 9 tháng tăng 8,98%, đóng góp 2,91 điểm phần trăm vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế. Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục khẳng định là điểm sáng của khu vực này và là động lực chính của tăng trưởng kinh tế với mức tăng cao 12,65%, tuy thấp hơn mức tăng của cùng kỳ năm 2017 nhưng cao hơn nhiều so với mức tăng 9 tháng các năm 2012-2016, đóng góp 2,56 điểm phần trăm. Ngành công nghiệp khai khoáng vẫn tăng trưởng âm (giảm 1,97%), làm giảm 0,14 điểm phần trăm mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế nhưng mức giảm đã được thu hẹp đáng kể so với mức giảm 8,08% của cùng kỳ năm trước. Ngành xây dựng 9 tháng duy trì được mức tăng trưởng khá với tốc độ 8,46%, đóng góp 0,55 điểm phần trăm.

Khu vực dịch vụ 9 tháng năm 2018 tăng 6,89%, tuy thấp hơn mức tăng 7,21% của 9 tháng năm trước nhưng cao hơn so với cùng kỳ giai đoạn 2012-2016. Trong khu vực dịch vụ, đóng góp của một số ngành có tỷ trọng lớn vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm 9 tháng như sau: Bán buôn và bán lẻ tăng 8,48% so với cùng kỳ năm trước, là ngành có tốc độ tăng trưởng cao nhất trong khu vực dịch vụ, cũng là ngành có đóng góp lớn nhất vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế (0,9 điểm phần trăm); hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 7,85%, đóng góp 0,46 điểm phần trăm; dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 5,89%, đóng góp 0,27 điểm phần trăm; ngành vận tải, kho bãi tăng 7,55%, đóng góp 0,25 điểm phần trăm; hoạt động kinh doanh bất động sản tăng 4,04%, đóng góp 0,24 điểm phần trăm.

Về cơ cấu nền kinh tế 9 tháng năm 2018, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 13,93% GDP; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 33,49%; khu vực dịch vụ chiếm 42,54%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 10,04% (cơ cấu tương ứng của cùng kỳ năm 2017 là: 14,67%; 32,50%; 42,65%; 10,18%). Xét về góc độ sử dụng GDP 9 tháng năm 2018, tiêu dùng cuối cùng tăng 7,09% so với cùng kỳ năm 2017; tích lũy tài sản tăng 7,71%; xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 15,52%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 14,22%.

Cơ hội và kỳ vọng đặt vào năm 2018 cũng ngày càng cao, với tăng trưởng kinh tế năm 2018 sẽ được cải thiện khá, dự kiến có khả năng đạt mức 6,8%, cao gấp đôi mức trung bình toàn thế giới và thuộc nhóm tăng cao hàng đầu khu vực.

Sự phát triển của thị trường chứng khoán (TTCK) chịu ảnh hưởng lớn từ sự tăng trưởng và phát triển của nền kinh tế. Nền kinh tế vững mạnh và tăng trưởng mở ra cơ hội tăng trưởng cao và ổn định cho doanh nghiệp, giúp lành mạnh hoá các cổ phiếu trên thị trường chứng khoán và thúc đẩy nhà đầu tư tích cực tham gia thị trường. Đồng thời, tăng trưởng kinh tế cũng là động lực thúc đẩy doanh nghiệp mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, tăng cường huy động nguồn lực tài chính trên thị trường chứng khoán, làm cho TTCK trở nên sôi động hơn. Ngược lại, khi nền kinh tế bất ổn hoặc chậm phát triển, “sức khỏe” của doanh nghiệp và sự lạc quan của nhà đầu tư sẽ bị giảm sút, thị trường chứng khoán nói chung và hoạt động kinh doanh của IBSC nói riêng sẽ gián tiếp bị ảnh hưởng bất lợi.

Ban lãnh đạo IBSC đã đưa ra chiến lược kinh doanh nhằm tăng khả năng cạnh tranh, đồng thời nâng cao năng lực quản trị, đặt nền móng vững chắc cho sự phát triển của Công ty, cũng như hạn chế bớt những tác động của rủi ro kinh tế.

1.2. Rủi ro lạm phát

Trong quá trình phát triển kinh tế, lạm phát ở Việt Nam diễn ra với xu hướng tăng và biến động với biên độ khá lớn góp phần tạo ra những biến động bất thường của giá cả nguyên nhiên vật liệu đầu vào như giá xăng dầu, ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp. Đây là một trong những chỉ số quan trọng để đánh giá sự ổn định của kinh tế vĩ mô.

Theo số liệu Tổng cục Thống kê mới công bố, CPI bình quân 9 tháng năm 2018 tăng 3,57% so với bình quân cùng kỳ năm 2017; CPI tháng 9/2018 tăng 3,20% so với tháng 12/2017 và tăng 3,98% so với cùng kỳ năm 2017. CPI 9 tháng năm 2018 tăng so với cùng kỳ năm trước do một số nguyên nhân chủ yếu sau:

- Các địa phương điều chỉnh tăng giá dịch vụ y tế theo Thông tư số 02/2017/TT-BYT ngày 15/3/2017 của Bộ Y tế làm giá các mặt hàng dịch vụ y tế tăng 18,26% (tác động làm CPI chung tăng 0,71%);
- Các địa phương thực hiện lộ trình tăng học phí theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ làm giá nhóm dịch vụ giáo dục tăng 7,02% (tác động làm CPI chung tăng 0,36%);
- Giá các mặt hàng lương thực tăng 4,09% (tác động làm CPI chung tăng 0,18%), giá thịt lợn tăng 5,49% (tác động làm CPI chung tăng 0,23%) và giá các mặt hàng thiết yếu trên thế giới như giá nhiên liệu, chất đốt, sắt thép tăng trở lại trong 9 tháng năm 2018

làm chỉ số giá xuất, nhập khẩu, chỉ số giá sản xuất công nghiệp, nông nghiệp tăng so với cùng kỳ năm trước.

Bên cạnh các nguyên nhân làm tăng CPI trong 9 tháng năm 2018, có một số yếu tố góp phần kiềm chế CPI:

- Giá dịch vụ y tế điều chỉnh giảm theo Thông tư số 15/2018/TT-BYT ngày 30/5/2018 của Bộ Y tế làm giá các mặt hàng dịch vụ y tế tháng Bảy giảm 7,58% (tác động làm CPI giảm 0,29%);
- Các cấp, các ngành tích cực triển khai các biện pháp bình ổn giá cả thị trường, nhất là trong dịp Tết Nguyên đán, không để xảy ra hiện tượng tăng giá đột biến;
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã điều hành chính sách tiền tệ kiên định mục tiêu giữ ổn định vĩ mô và kiểm soát lạm phát.

Lạm phát cơ bản tháng 9/2018 tăng 0,14% so với tháng trước và tăng 1,61% so với cùng kỳ năm trước. Lạm phát cơ bản bình quân 9 tháng năm 2018 tăng 1,41% so với bình quân cùng kỳ năm 2017.

Áp lực lạm phát tổng thể dự kiến vẫn ở mức vừa phải (4%) trong giai đoạn 2017-2019 nhờ giá cả hàng hóa và năng lượng giảm. Kinh tế trong nước tăng trưởng ổn định với mức lạm phát được kiểm soát ở mức an toàn, kết hợp với thu nhập người dân được cải thiện là yếu tố cơ bản giúp giúp các doanh nghiệp kinh doanh thuận lợi hơn.

1.3. *Rủi ro lãi suất*

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) tiếp tục duy trì sự ổn định mặt bằng lãi suất như hiện nay, phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, tiền tệ và đặc biệt là lạm phát.

Từ đầu năm 2012 đến nay, mặt bằng lãi suất huy động đã giảm mạnh, từ đó các doanh nghiệp trong nước có thể tiếp cận được vốn vay với chi phí lãi vay rẻ hơn. Từ mức lãi suất trên 20% những năm 2010 – 2011, lãi suất cho vay thời điểm cuối năm 2016 đã giảm mạnh xuống phổ biến ở mức 6-9% (ngắn hạn), 9-11% (dài hạn).

Diễn biến lãi suất năm 2017, chi phí vay ngân hàng của doanh nghiệp sản xuất được duy trì ổn định ở mức thấp và chưa ghi nhận sự cắt giảm đáng kể nào ngay cả khi NHNN quyết định cắt giảm 0,25% một số lãi suất điều hành. Cụ thể, lãi suất cho vay ngắn hạn của các NHTM Nhà nước vẫn phổ biến 6,8 - 8,5%/năm, trong khi chi phí vay trung và dài hạn dao động quanh mức 9,3-10,3%/năm. Đây cũng là thực trạng chung của khối NHTM cổ phần với lãi suất cho vay ngắn hạn ở mức 7,8-9%/năm và lãi suất cho vay trung, dài hạn ở mức 10-11%/năm. Khác biệt đáng kể nhất là sự hỗ trợ đối với các doanh nghiệp hoạt động trong 5 lĩnh vực ưu tiên theo quy định của Chính phủ khi lãi suất cho vay tối đa các kỳ hạn ngắn giảm 0,5%/năm.

Thống kê của NHNN, hiện lãi suất huy động bằng VNĐ phổ biến ở mức 4,3%-5,5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng; 5,3%-6,5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng; kỳ hạn trên 12 tháng ở mức 6,5%-7,3%/năm. Lãi suất cho vay bằng hiện phổ biến ở mức 6%-9%/năm đối với ngắn hạn; 9%-11%/năm đối với trung dài hạn.

Theo dự báo, cuối năm 2018, lãi suất huy động có thể tăng do áp lực từ việc Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) dự kiến điều chỉnh tăng lãi suất, mà nhiều quốc gia đã đang và tiếp tục thực hiện chính sách tiền tệ trái chiều nhau, nhiều nước thực hiện thắt chặt tiền tệ, một số nước lại

nới lỏng tiền tệ. Sự biến động của tỉ giá USD sẽ tác động tới chính sách tiền tệ, điều hành tỉ giá và cung tiền trên thị trường. Đồng thời, nửa cuối năm cũng thường là thời gian các ngân hàng đẩy mạnh hoạt động tín dụng, với tỉ lệ dư nợ/vốn huy động (LDR) của hệ thống đang ở mức khá cao là 86,75%, nhiều ngân hàng sẽ phải điều chỉnh lại biên độ lãi suất để thích ứng với thị trường. Tuy nhiên, NHNN tiếp tục bám sát diễn biến kinh tế vĩ mô, tiền tệ để chủ động điều hành đồng bộ, linh hoạt các công cụ chính sách tiền tệ, hỗ trợ thanh khoản cho các Tổ chức tín dụng nhằm ổn định thị trường tiền tệ, ngoại hối, ổn định mặt bằng lãi suất, tỉ giá. Lãnh đạo NHNN cho biết sẽ tiếp tục ổn định mặt bằng lãi suất trong những tháng cuối năm.

Công ty Cổ phần Chứng khoán IB có sử dụng vốn vay ngân hàng để phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty, do vậy những biến động của lãi suất có ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động kinh doanh của IBSC. Hơn nữa, sự thay đổi của lãi suất có thể làm thay đổi quyết định đầu tư của các nhà đầu tư, ảnh hưởng lớn đến TTCK, từ đó ảnh hưởng gián tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

1.4. *Rủi ro tỷ giá*

Rủi ro tỷ giá hối đoái xảy ra khi các giao dịch kinh tế được thực hiện bằng ngoại tệ và tỷ giá hối đoái biến động theo hướng bất lợi cho doanh nghiệp.

Những diễn biến gần đây khi Hoa Kỳ áp dụng các biện pháp hạn chế thương mại chậm ngòi cho cuộc chiến tranh thương mại đã gây áp lực lên thương mại toàn cầu. Bên cạnh đó, Cục Dự trữ liên bang Mỹ (Fed) tiếp tục đẩy nhanh tiến trình bình thường hóa chính sách tiền tệ và tăng lãi suất trong khi ngân hàng trung ương các quốc gia khác có xu hướng tiếp tục duy trì chính sách tiền tệ nới lỏng. Dự báo đến cuối năm 2018, lãi suất USD sẽ về mức 2,25 - 2,5%/năm để tiến tới mức bình thường trước khủng hoảng 3,5%/năm vào cuối năm 2019. Trong khi đó, Eurozone và Nhật Bản tiếp tục duy trì chính sách tiền tệ nới lỏng với lãi suất thấp để kích cầu tăng trưởng kinh tế. Mặc dù áp lực khủng hoảng kinh tế toàn cầu đã giảm bớt, nhưng các bước đi khó lường từ cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung cũng như việc Fed tăng lãi suất khiến đồng USD tăng giá nên các mối lo về khủng hoảng toàn cầu vẫn hiện hữu trong nửa cuối năm 2018 và cả năm 2019. Chỉ số USD Index trên thế giới duy trì đà tăng trong khi tiền đồng của nhiều nước trong khu vực giảm giá so với USD đã gián tiếp tác động tiêu cực tới khả năng cạnh tranh của hàng xuất khẩu Việt Nam. Tỷ lệ giảm giá của đồng Việt Nam thấp hơn chỉ là 0,46% trong 6 tháng đầu năm. Sau 2 lần tăng lãi suất vào tháng 3 và tháng 6/2018, nhiều khả năng Fed sẽ có thêm 2 lần tăng lãi suất nữa do Chỉ số Chi tiêu dùng (PCE) của Mỹ sẽ vượt mức 2% trong năm 2018. Tỷ lệ thất nghiệp tiếp tục duy trì ở mức thấp, thúc đẩy Fed đẩy nhanh hơn tiến trình tăng lãi suất để ngăn ngừa nền kinh tế rơi vào trạng thái tăng trưởng nóng. Việc tăng lãi suất của Fed cũng phần nào được thị trường dự báo trước nên sẽ khó có cú sốc xảy ra đối với tỷ giá. Tỷ giá USD/VND ổn định trong 5 tháng đầu năm và chỉ có một số biến động trong tháng 6 bởi đồng USD trên thị trường quốc tế tăng giá, cán cân thương mại chuyển sang nhập siêu từ tháng 5/2018.

Tỷ giá VND đang chịu sức ép từ sự lên giá của USD, dù vậy, mức mất giá của đồng VND vẫn thấp hơn đáng kể so với đồng tiền của nhiều quốc gia trong khu vực. Thực tế cho thấy, sau 5 tháng đầu năm ổn định trên cả thị trường chính thức và thị trường tự do, thì đến tháng 6/2018,

tỷ giá USD/VND có xu hướng tăng do USD lên giá sau khi Fed liên tục điều chỉnh tăng lãi suất đồng USD. Tuy nhiên, từ đầu năm 2018 đến nay, tỷ giá USD/VND cũng chỉ tăng khoảng 1%.

IBSC không có nghiệp vụ kinh doanh ngoại hối, đồng thời hoạt động kinh doanh của IBSC không gắn trực tiếp doanh thu và chi phí với ngoại tệ, do vậy những biến động của tỷ giá giữa đồng Việt Nam và các đồng ngoại tệ khác không ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động kinh doanh của IBSC. Tuy nhiên, sự thay đổi của tỷ giá hối đoái có thể làm thay đổi quyết định đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài (lực lượng đầu tư quan trọng trên TTCK Việt Nam) hoặc làm dịch chuyển luồng vốn từ TTCK sang kinh doanh ngoại hối, từ đó ảnh hưởng gián tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Rủi ro về luật pháp

Là Công ty cổ phần hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán, hoạt động của Công ty không chỉ chịu sự điều chỉnh chung của Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Thuế thu nhập cá nhân và các Luật liên quan khác mà còn chịu sự điều chỉnh của Luật Chứng Khoán và các Nghị định, Quyết định, Thông tư hướng dẫn có liên quan. Do vậy, hoạt động kinh doanh của Công ty luôn phải đối mặt với những rủi ro tiềm tàng nếu thiếu sự đồng bộ, nhất quán giữa các Luật và văn bản hướng dẫn. Bên cạnh đó, sự thay đổi, điều chỉnh hay bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến chính sách tài khoá, tiền tệ có ảnh hưởng lớn tới nền kinh tế, TTCK và doanh nghiệp,... đều có ảnh hưởng lớn đến hoạt động của IBSC.

3 Rủi ro đặc thù

3.1. Rủi ro về nguồn nhân lực

Những biến động liên tục trong hoạt động của các tổ chức, doanh nghiệp trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng trong thời gian gần đây tạo ra những thay đổi lớn về nhân sự và tạo áp lực cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp trong ngành trong việc lôi kéo, giữ chân nhân sự chất lượng cao. Trong lĩnh vực chứng khoán, một lĩnh vực đặc thù đòi hỏi sự tích lũy kinh nghiệm, độ chính xác và nhạy bén cao, trình độ chuyên môn nghiệp vụ giỏi và khả năng chịu áp lực, thì đội ngũ nhân sự là yếu tố cạnh tranh mang tính quyết định. Khi nền kinh tế và thị trường chứng khoán bắt đầu hồi phục trở lại, nhu cầu sử dụng nhân sự càng tăng nóng, thì nguồn cung càng trở nên khan hiếm. Trong thực tế, năng lực và trình độ của sinh viên sau khi tốt nghiệp ở Việt Nam vẫn còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của công việc, do đó việc cạnh tranh lôi kéo nhân sự lành nghề giữa các công ty chứng khoán diễn ra thường xuyên.

Nhận thức được tầm quan trọng của yếu tố con người và hạn chế những rủi ro có thể xảy ra liên quan đến nguồn nhân lực, IBSC đã có những chính sách hợp lý về mặt nhân sự kể từ khi mới thành lập. Công ty đặc biệt chú trọng đến công tác đào tạo để mỗi nhân viên có điều kiện trang bị thêm kiến thức cũng như các kỹ năng nghề nghiệp cho mình. Ngoài ra, các chính sách lương, thưởng, phúc lợi, điều kiện làm việc luôn được Công ty chú tâm duy trì nhằm đem lại môi trường làm việc tốt và hiệu quả nhất cho các cán bộ nhân viên.

3.2. Rủi ro về cạnh tranh

Cuộc chiến cạnh tranh giành thị phần giữa các công ty chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam ngày càng trở nên gay gắt. Trong đó, cuộc cạnh tranh giảm phí môi giới, phí tư vấn để thu hút khách hàng có ảnh hưởng không nhỏ đến doanh thu của các công ty chứng

khoản, đặc biệt là các công ty mới gia nhập ngành. Ngoài ra, cuộc chạy đua về công nghệ thông tin, mặt bằng kinh doanh,... làm cho chi phí vận hành và đầu tư phát triển doanh nghiệp ngày càng cao.

Mặc dù vậy, cạnh tranh cũng tạo động lực và cơ hội vươn lên cho các công ty chứng khoán năng động, có chiến lược phát triển kinh doanh và chính sách nhân sự hợp lý.

3.3. *Rủi ro hoạt động*

Rủi ro hoạt động có thể xảy ra khi nhân viên môi giới nhập sai lệnh của khách hàng. Để hạn chế loại rủi ro này, IBSC đã đề ra quy trình nhập lệnh với các khâu kiểm soát và tổ chức huấn luyện nhân viên chặt chẽ nhằm giảm thiểu sai sót. Thêm vào đó, IBSC đã triển khai hệ thống giao dịch điện tử tự động thông qua internet và tin nhắn trên điện thoại di động ngay từ những ngày đầu thành lập. Với hệ thống này, khách hàng có thể tiến hành tự nhập lệnh và việc kiểm soát, giám sát được thực hiện tự động ngay trên phần mềm hệ thống, nhờ vậy rủi ro nhập sai lệnh nêu trên được khắc phục hiệu quả. Đối với các hình thức giao dịch qua điện thoại hay khách hàng giao dịch tại sàn, IBSC tiến hành lưu trữ các thông tin giao dịch dưới dạng băng ghi âm, phiếu lệnh, hợp đồng và dữ liệu điện tử để làm bằng chứng trong trường hợp xảy ra tranh chấp với khách hàng.

Một hình thức khác của rủi ro hoạt động là khi số liệu trong hệ thống giao dịch điện tử và hệ thống số liệu kế toán lưu trữ của Công ty bị phá hủy, bị sai lệch, hoặc gián đoạn, dẫn đến việc giao dịch của khách hàng và Công ty bị đình trệ, các số liệu về số dư tiền mặt và chứng khoán của khách hàng và Công ty không còn chính xác. Để hạn chế rủi ro này, IBSC đã thực hiện các biện pháp như: sử dụng giải pháp bảo mật mạng máy tính của các nhà cung cấp giải pháp bảo mật hàng đầu thế giới, thực hiện chế độ dự phòng (back up) liên tục, sao chép và sao lưu dữ liệu hàng ngày.

4. *Hạn chế chuyển tiền về nước*

Đối với nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào Trái Phiếu, quyền chuyển tiền về nước chịu sự hạn chế theo các quy định về chuyển đổi ngoại tệ, thuế và xuất khẩu. Không có gì bảo đảm rằng tiền thu được từ các khoản đầu tư hay thu nhập từ các khoản đầu tư có đủ điều kiện để chuyển ra nước ngoài.

RỦI RO KHÁC

Các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán IB được lập theo Hệ thống Kế toán Việt Nam và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành (“VAS”). Không nên so sánh các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán IB với các báo cáo tài chính của các công ty được lập theo chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) hoặc bất kỳ chuẩn mực kế toán nào khác mà có thể quen thuộc hơn đối với các nhà đầu tư Trái Phiếu.

Các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán IB là một phần không tách rời của Bản Công Bố Thông Tin này. Các báo cáo tài chính này không được lập để phục vụ cho các đối tượng không quen thuộc các nguyên tắc, chuẩn mực, và thực hành kế toán của Việt Nam, và không nhằm để thể hiện tình hình tài chính, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc, chuẩn mực, và thực hành kế toán được chấp nhận rộng rãi tại các quốc gia không phải là Việt Nam. Do đó, không nên so sánh các báo cáo tài chính của VIX với các báo cáo tài

chính của các công ty được lập theo chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) hoặc bất kỳ chuẩn mực kế toán nào khác có thể quen thuộc hơn đối với các nhà đầu tư Trái Phiếu.

Kết quả hoạt động thực tế của Công ty Cổ phần Chứng khoán IB có thể khác biệt so với việc công bố hoặc hàm ý bởi những tuyên bố có tính dự báo

Có những tuyên bố trong Bản Công Bố Thông Tin này tạo thành “tuyên bố có tính dự báo”. Các từ “dự báo”, “dự đoán”, “tin tưởng”, “đánh giá”, “kỳ vọng”, “dự kiến”, “dự kiến đạt được”, “có kế hoạch”, “có thể”, “sẽ”, và những diễn giải tương tự được dùng để chỉ các tuyên bố có tính dự báo. Các tuyên bố mà không phải là các tuyên bố về sự việc trong quá khứ, bao gồm các tuyên bố liên quan tới chiến lược, kế hoạch và mục tiêu của VIX và triển vọng của thị trường chứng khoán Việt Nam là các tuyên bố có tính dự báo. Các tuyên bố có tính dự báo bao hàm việc biết hoặc không biết tới những rủi ro, sự không chắc chắn và các yếu tố khác (bao gồm sự thay đổi chính sách của Chính phủ) có thể là nguyên nhân làm cho các kết quả hoạt động, và thành tích thực tế của VIX hoặc của ngành có thể sẽ rất khác so với các kết quả hoạt động, và thành tựu tương lai được công bố hoặc hàm ý bởi các tuyên bố có tính dự báo. Các tuyên bố có tính dự báo được dựa trên nhiều giả thiết liên quan tới chiến lược hiện tại và tương lai và môi trường mà VIX sẽ hoạt động trong tương lai. Do các tuyên bố phản ánh kỳ vọng và mục tiêu hiện tại liên quan tới các sự kiện tương lai, các tuyên bố cần dựa trên các rủi ro, sự không chắc chắn và các giả thiết. Thành tích thực tế của VIX có thể khác so với tuyên bố có tính dự báo.

RỦI RO ĐỐI VỚI TRÁI PHIẾU

Việc bảo hộ pháp lý dành cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể bị hạn chế

Công ty Cổ phần Chứng khoán IB được thành lập và hoạt động tại Việt Nam dưới hình thức là công ty cổ phần. Toàn bộ tài sản của VIX cũng như các dự án kinh doanh tiềm năng và các hoạt động kinh doanh khác được triển khai ở Việt Nam, nên các hoạt động của VIX chủ yếu được điều chỉnh theo luật pháp và quy định của Việt Nam. Việc thực thi bất kỳ phán quyết nào của các tòa án ở ngoài Việt Nam đối với VIX hoặc các giám đốc và viên chức của VIX thường trú tại Việt Nam có thể gặp khó khăn. Việt Nam chưa tham gia các hiệp ước công nhận và cho thi hành phán quyết của tòa án nước ngoài với nhiều quốc gia. Do đó, việc thực thi phán quyết của tòa án thuộc các quốc gia mà Việt Nam chưa tham gia hiệp ước công nhận và cho thi hành phán quyết của tòa án nước ngoài có thể gặp khó khăn hoặc không được thi hành tại Việt Nam.

Thị trường giao dịch Trái Phiếu thứ cấp chưa phát triển

Hiện nay, Công ty Cổ phần Chứng khoán IB chưa dự định niêm yết Trái Phiếu trên thị trường chứng khoán. Không có gì đảm bảo về tính thanh khoản của Trái Phiếu trên thị trường thứ cấp và không có gì bảo đảm rằng một thị trường giao dịch cho Trái Phiếu sẽ phát triển. Giả thiết có thị trường giao dịch cho Trái Phiếu thì Trái Phiếu có thể được giao dịch với giá cao hoặc thấp hơn giá phát hành ban đầu tùy thuộc vào nhiều yếu tố bao gồm lãi suất trên thị trường tại thời điểm giao dịch, tình hình hoạt động của VIX và thị trường của các chứng khoán tương tự.

Tiền lãi Trái Phiếu có thể là đối tượng bị khấu trừ hoặc khấu lưu thuế nếu pháp luật Việt Nam có quy định

Nhà đầu tư cần biết rằng tiền lãi Trái Phiếu và lợi nhuận thu được từ việc chuyển nhượng Trái Phiếu có thể là đối tượng chịu thuế theo quy định của pháp luật Việt Nam. VIX và/hoặc đại lý

thanh toán Trái Phiếu sẽ, theo quy định của pháp luật khấu trừ thuế (nếu có) đối với các khoản thanh toán liên quan đến Trái Phiếu. Để biết thêm chi tiết, xin xem phần “Các Điều khoản và Điều kiện Trái Phiếu” và phần “Thuế”.

DANH MỤC CÁC YẾU TỐ RỦI RO NÊU TRÊN KHÔNG PHẢI LÀ BẢNG LIỆT KÊ HAY GIẢI THÍCH ĐẦY ĐỦ VỀ CÁC RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN ĐẦU TƯ VÀO TRÁI PHIẾU.

Hà nội ngày 01 tháng 02 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN IB



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Tuyết